

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**  
-----



ISO 9001-2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Phạm Thị Vương**  
**Giảng viên hướng dẫn: THS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ,  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Phạm Thị Vương  
Giảng viên hướng dẫn: THS. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Vương

Mã SV: 1212401126

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.

- Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc. Từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế tính toán.

Số liệu năm 2015 tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP****Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác: .....

Nội dung hướng dẫn: .....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 04 năm 2016

Yêu cầu hoàn thành trước ngày 09 tháng 07 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Phạm Thị Vương

ThS. Trần Thị Thanh Phương

**Hải phòng, ngày.....tháng....năm 2016****Hiệu trưởng**

*GS.TS.NGŨ Trần Hữu Nghị***PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN****1. Tinh thần, thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chịu khó và chăm chỉ học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu thời gian và nội dung nghiên cứu.

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

Hải Phòng, ngày .... tháng .... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

*(Ký và ghi rõ họ tên)***MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....</b>	<b>2</b>
1.1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.2.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	3
1.2.1.Những khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.2.2.Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.....	5
1.2.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
<b>1.3.NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI</b>	
1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.3.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.3.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.3.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.3.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	22
1.3.4.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	24
1.3.4.1.Kế toán doanh thu tài chính.....	24
1.3.4.2.Kế toán chi phí tài chính.....	27
1.3.5.Kế toán chi phí, thu nhập khác hoạt động khác.....	29
1.3.5.1.Kế toán thu nhập khác.....	29
1.3.5.2.Kế toán chi phí khác.....	31
1.3.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	34
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....</b>	<b>36</b>

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	36
2.1.3. Những thuận lợi khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	37
2.1.4. Những thành tích cơ bản công ty đạt được trong những năm gần đây....	37
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy công ty.....	39
2.1.6. Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty.....	40
2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	40
2.1.6.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng.....	41
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	43
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	43
2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	54
2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	61
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	66
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....</b>	<b>78</b>
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG CÔNG TỔ CHỨC TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC .....	78
3.1.1. Kết quả đạt được.....	78
3.1.2. Hạn chế.....	80
3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	81
3.2.1. Hoàn thiện chứng từ sử dụng.....	81
3.2.2. Hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	85



3.2.3. Hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	88
3.2.4. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	93
3.2.5. Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán.....	94
KẾT LUẬN.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>KÝ HIỆU</b>	<b>Ý NGHĨA</b>
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm Y tế
4	CKTM	Chiết khấu thương mại
5	DTT	Doanh thu thuần
6	GGHB	Giảm giá hàng bán
7	GTGT	Giá trị gia tăng
8	HBTL	Hàng bán trả lại
9	K/C	Kết chuyển
10	KKTX	Kê khai thường xuyên
11	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
12	NVL	Nguyên vật liệu
13	SXC	Sản xuất chung
14	TK	Tài khoản
15	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
16	TSCĐ	Tài sản cố định
17	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
18	XNK	Xuất nhập khẩu

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các doanh nghiệp phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Các thông tin về “chí phí đầu vào” và “kết quả đầu ra” một cách kịp thời và chính xác để ra quyết định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Sau thời gian thực tập ở công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định chọn lựa đề tài: “**Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc**” làm khóa luận tốt nghiệp.

+ Khóa luận gồm 3 chương:

**CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.**

**CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.**

**CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.**

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các anh chị em trong phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2016

Sinh viên

Phạm thị Vương

**CHƯƠNG 1:****NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI****1.1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh với nhau vô cùng gay gắt. Do đó, để kinh doanh hiệu quả nhất doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Chính vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung, doanh nghiệp nói riêng.

**✚ Đối với doanh nghiệp:**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá đúng tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

**✚ Đối với Nhà nước:**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát

#### **+ Đối với nhà đầu tư:**

Thông qua chỉ tiêu về doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tính hình hoạt động của doanh nghiệp để có các chính sách đầu tư đúng đắn.

#### **+ Đối với tổ chức trung gian tài chính:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

#### **+ Đối với nhà cung cấp:**

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý và những tổ chức, cá nhân cần thông tin về doanh nghiệp có thể nắm bắt một cách khái quát tình hình của doanh nghiệp.

## **1.2.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.2.1.Những khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* là toàn bộ số tiền thu được, sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá (nếu có).
- ❖ *Doanh thu thuần* là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...
- ❖ *Doanh thu tài chính* là khoản thu từ các hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.
- ❖ *Doanh thu nội bộ* là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.
- ❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu* là các khoản làm giảm thu nhập của doanh nghiệp như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- ❖ *Thu nhập khác* là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.  
Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: tổng giá trị của các lợi ích kinh tế đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu nội bộ không phải là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu cũng làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.
- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức khoản tiền phải chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh ( chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- ❖ *Giá vốn* là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán.
- ❖ *Chi phí quản lý kinh doanh* là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
  - Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp: là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...
- ❖ *Chi phí tài chính* là phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.
- ❖ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.
- ❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- ❖ *Kết quả kinh doanh* là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

### 1.2.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và phương thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động trong doanh nghiệp thương mại.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

**+** **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động kinh doanh = DTT về BH và cung cấp DV - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý kinh doanh (bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng)

- Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

**+** **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

**+** **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp  
 Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

### 1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...



- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.
- Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

### **1.3.NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .**

#### **1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.**

##### **1.3.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

###### ***\* Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng:***

Thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau.

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch và cung cấp dịch vụ đó

**\* Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý từ các khoản đã thu được tiền, hoặc thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)
- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

**\* Các phương thức bán hàng**

- *Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp*

Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho ( hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận

- *Kế toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi cho khách hàng*

Phương thức gửi hàng đi là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

*- Kế toán bán hàng theo phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng*

Phương thức bán hàng gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng là phương thức bên giao đại lý, ký gửi bên đại lý để bán hàng cho doanh nghiệp. Bên nhận đại lý, ký gửi bán hàng theo đúng giá đã quy định và được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng.

Theo luật thuế GTGT, nếu bên đại lý bán theo đúng giá quy định của bên giao đại lý thì toàn bộ thuế GTGT đầu ra cho bên giao đại lý phải tính nộp NSNN, bên nhận đại lý không phải nộp thuế GTGT trên phần hoa hồng được hưởng.

*- Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp*

Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại, người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Xét về bản chất, hàng bán trả chậm trả góp vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị bán, nhưng quyền kiểm soát tài sản và lợi ích kinh tế sẽ thu được của tài sản đã được chuyển giao cho người mua. Vì vậy, doanh nghiệp thu nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm, phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

*- Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng*

Phương thức hàng đổi hàng là phương thức bán hàng doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy hàng hoá khác không tương tự, giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hoá, vật tư tương ứng trên thị trường.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT ( đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường ( đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng:**

✚ TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

*Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:*

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm


Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

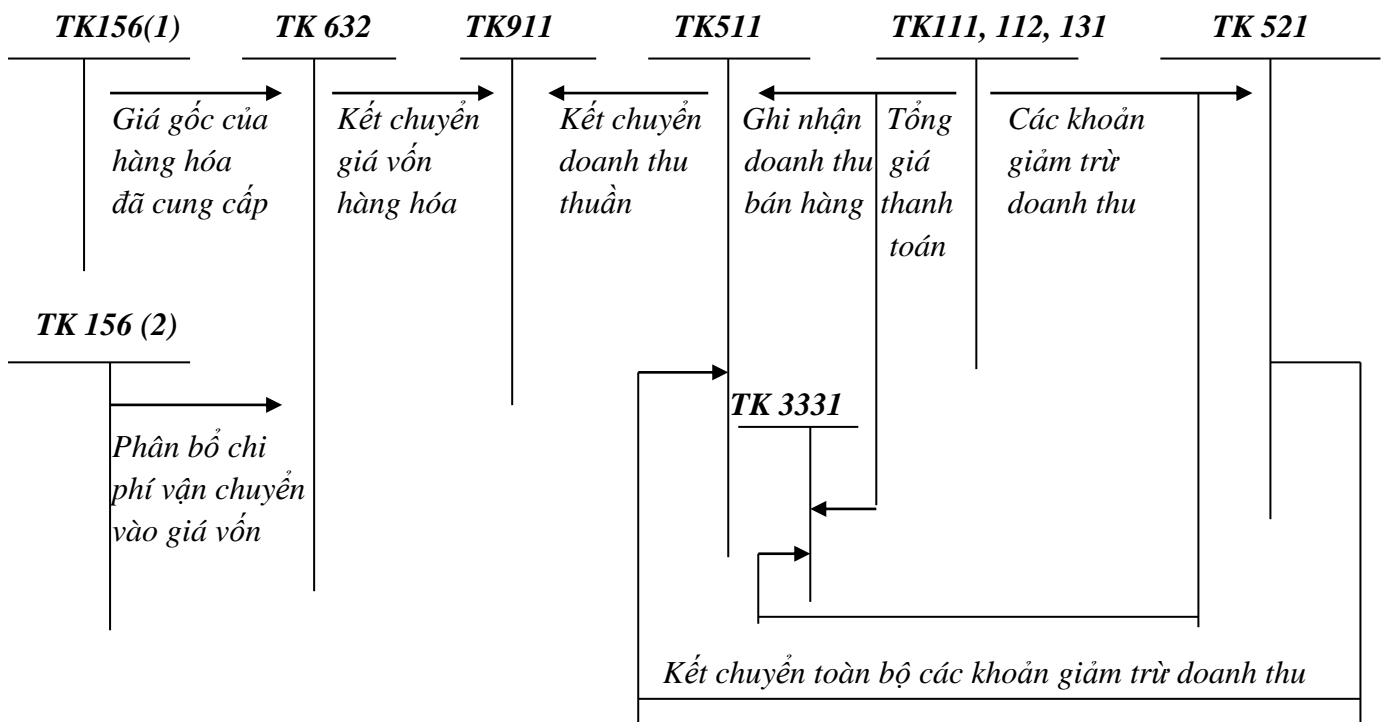
Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản

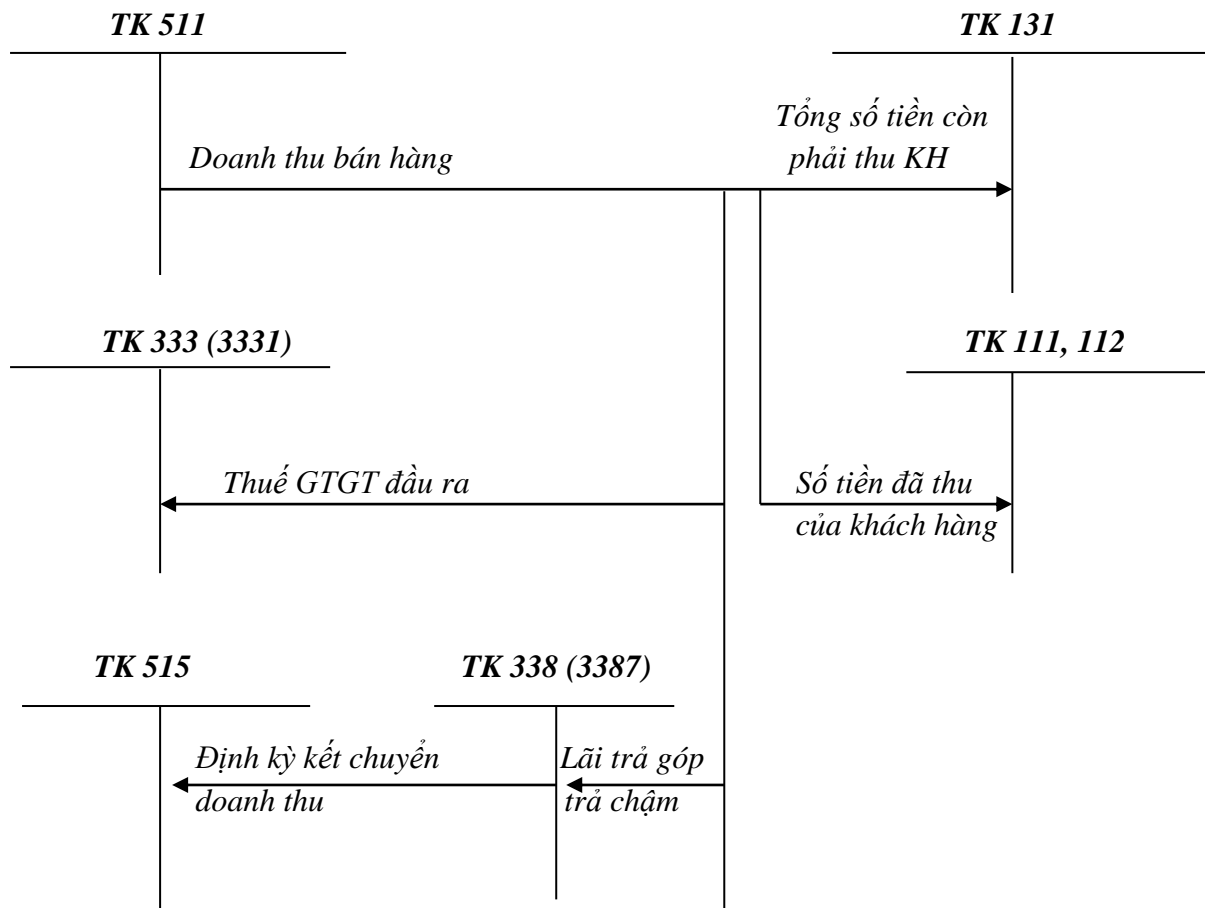
Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

**\* Kết cấu tài khoản:**

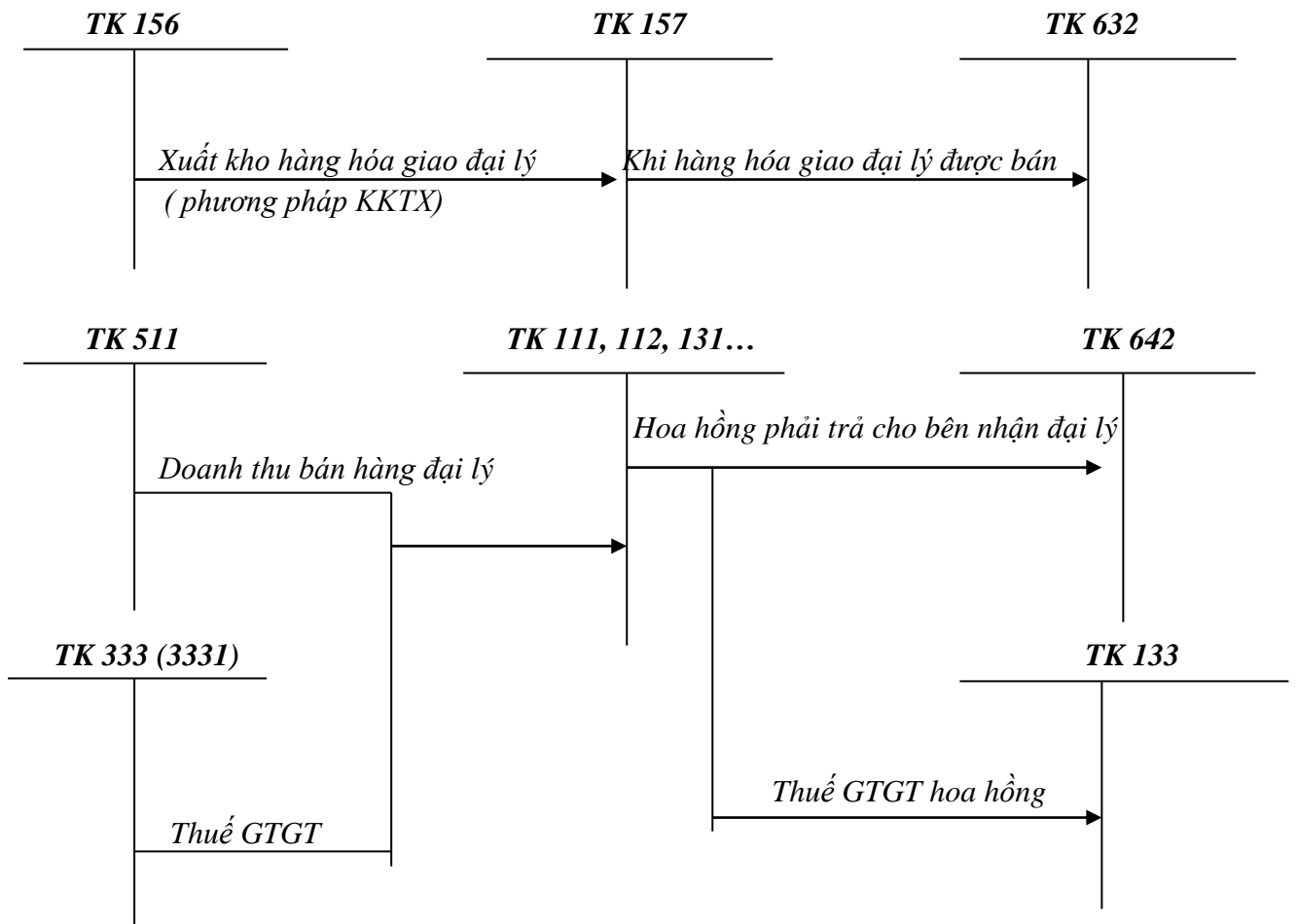
<b>Nợ</b>	<b>TK 511</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.</li> <li>- Thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, kết chuyển cuối kỳ.</li> <li>- K/c doanh thu thuần vào tài khoản 911</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>
		

*\* Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trực tiếp theo QĐ48/2006-BTC**



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ theo phương thức trả góp theo QĐ48/2006-BTC**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức giao đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng) theo QĐ48/2006-BTC**



**1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

**Các khoản giảm trừ doanh thu:** Là toàn bộ số tiền giảm trừ do người mua hàng và số thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp được tính giảm trừ vào doanh thu

**Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:**

*Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

*Hàng bán bị trả lại:* là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

*Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạt hậu thị hiếu.

*Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

**\* Tài khoản sử dụng:**

 TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

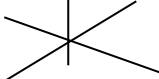
*Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:*

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

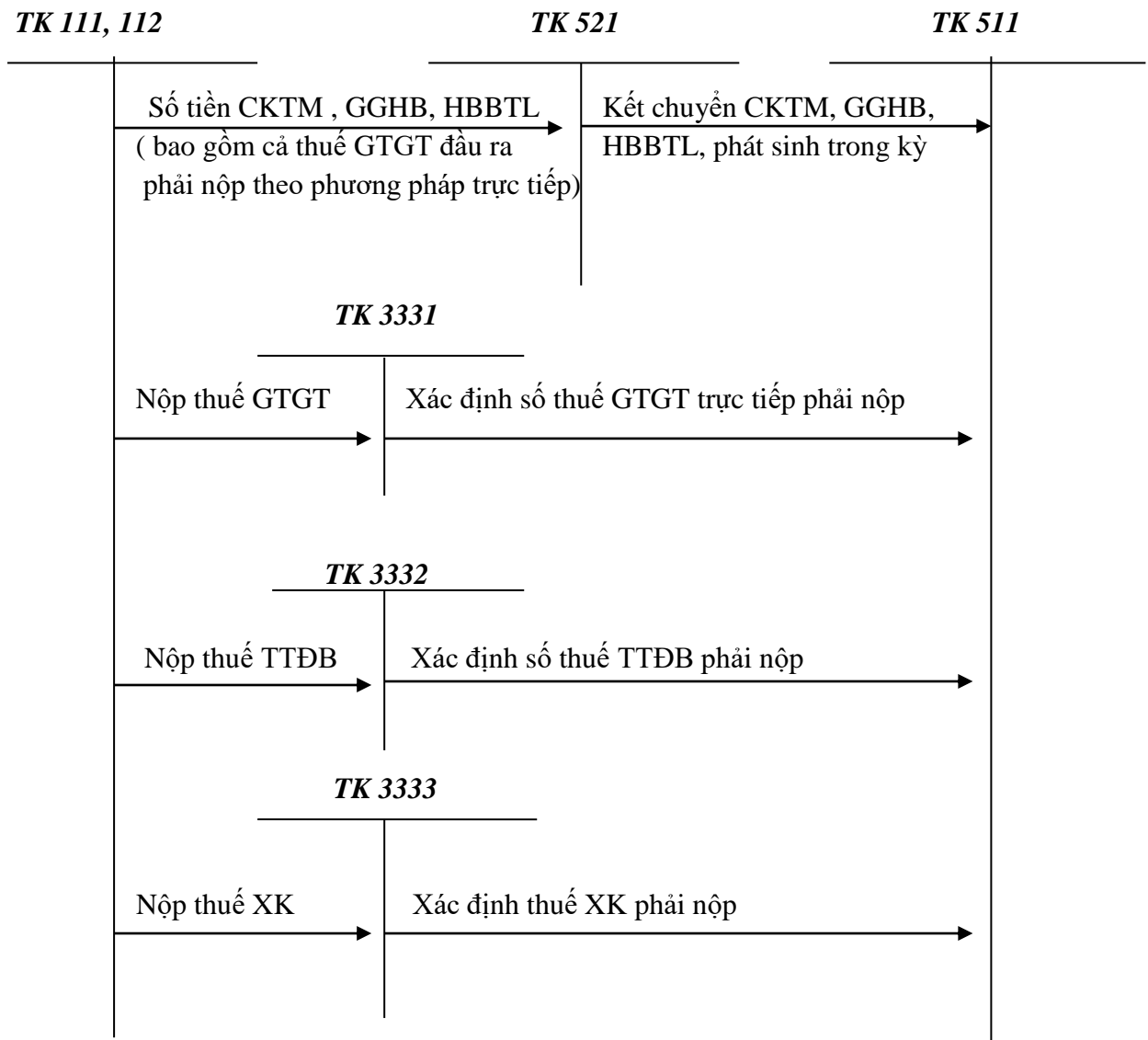
Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

**\* Kết cấu tài khoản**

<b>Nợ</b>	<b>TK 521</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng</li> <li>- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng</li> <li>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>
		

*\* Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu theo QĐ48/2006-BTC**

**1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.***Có bốn phương pháp tính giá vốn hàng bán:***\* Phương pháp bình quân gia quyền:**

Trị giá thực tế hàng hóa = Số lượng hàng hóa x Đơn giá bình quân  
 xuất kho                                  xuất kho                                  xuất kho

**❖ Bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

⇒ Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tính biến động của hàng hóa.

**❖ Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân Sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

⇒ Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng tính toán khá phức tạp, tốn nhiều công sức. Do đó phương pháp này thường được các doanh nghiệp có ít loại hàng tồn kho và có lưu lượng hàng hóa nhập xuất trong kỳ ít.

**\* Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO):**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng hóa được mua trước hoặc sản xuất trước thì được tiêu thụ trước. Và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng hóa tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**\* Phương pháp nhập sau xuất trước ( LIFO)**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. Hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá lô hàng nhập sau hoặc gần cuối, giá trị của lô hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập đầu kỳ hoặc đầu kỳ còn tồn kho.

**\* Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra ( trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thì thích hợp với hàng hóa có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng, bạc, kim loại quý hiếm, đá quý...

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng:**

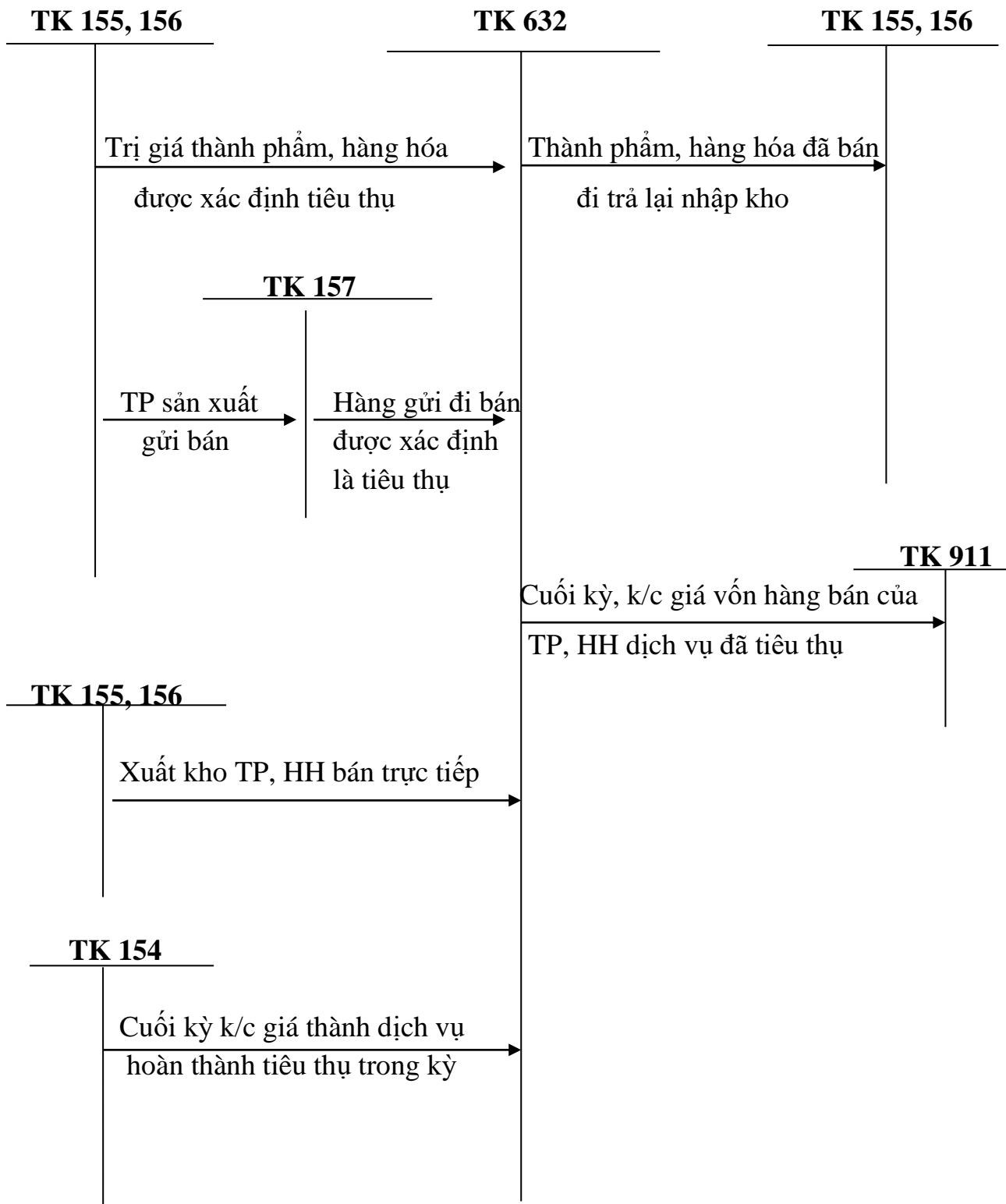
TK 632: “ Giá vốn hàng bán”

- *Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

**\* Kết cấu tài khoản:**

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh</li> <li>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ,</li> <li>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra.</li> <li>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không thể tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.</li> <li>+ Sự cố trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Đối với các hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ</li> <li>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS</li> <li>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán trong kỳ</li> <li>+ Chi phí cho thuê hoạt động BĐS đầu tư</li> </ul> </li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch năm nay &lt; số đã trích lập năm trước)</li> <li>- Giá trị hàng bán bị trả lại nhập kho</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh bên nợ</b>		<b>Tổng phát sinh bên có</b>



**\* Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên theo QĐ48/2006-BTC**

**1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.****\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 642: “ Chi phí quản lý kinh doanh”

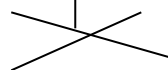
*Các tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:*

Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

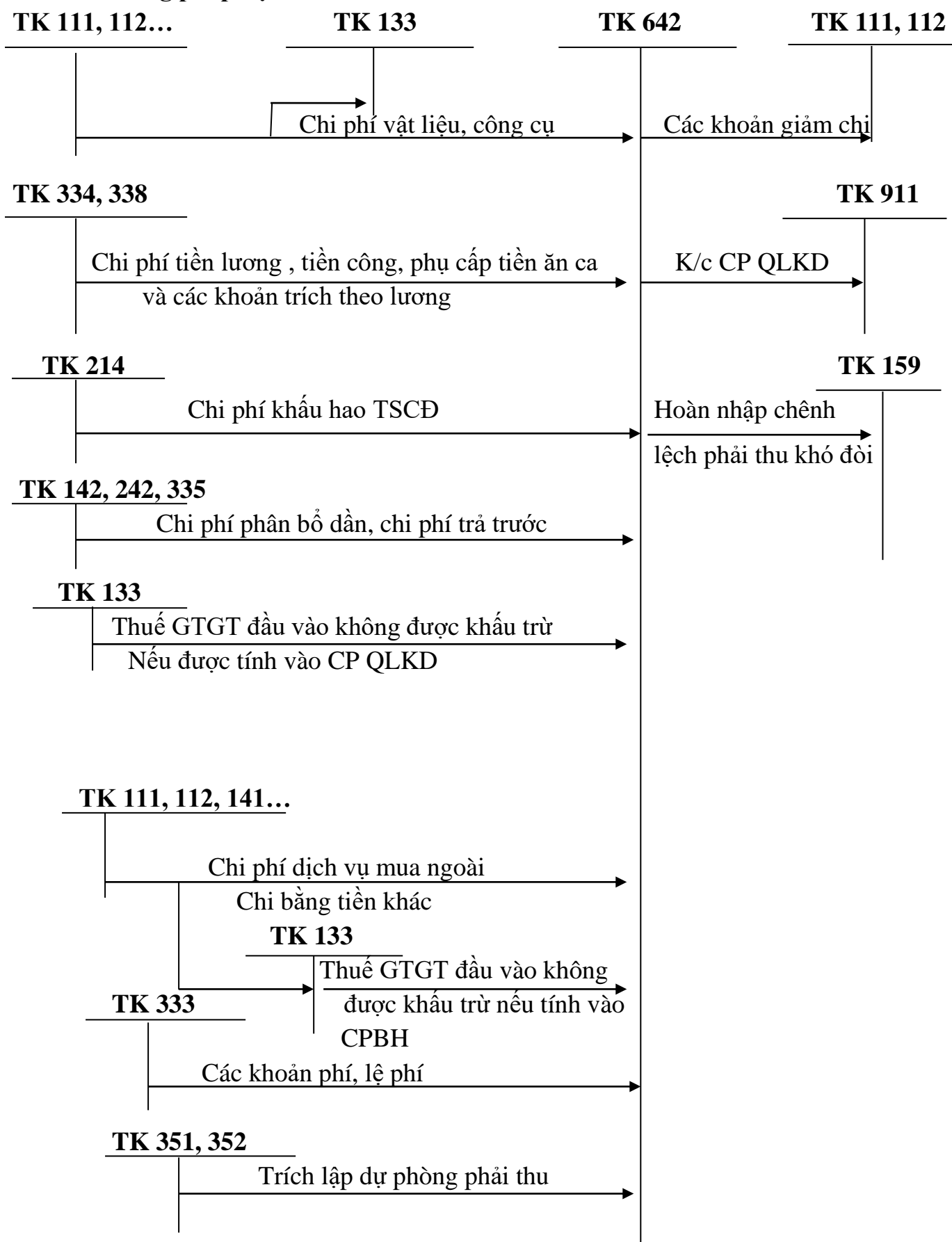
Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

**\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 642	Có
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí kinh doanh vào TK 911	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>





**\* Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo QĐ48/2006-BTC**

### **1.3.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.**

#### **1.3.4.1. Kế toán doanh thu tài chính**

*Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:*

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý, nhượng bán các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản thu hoạt động tài chính khác.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

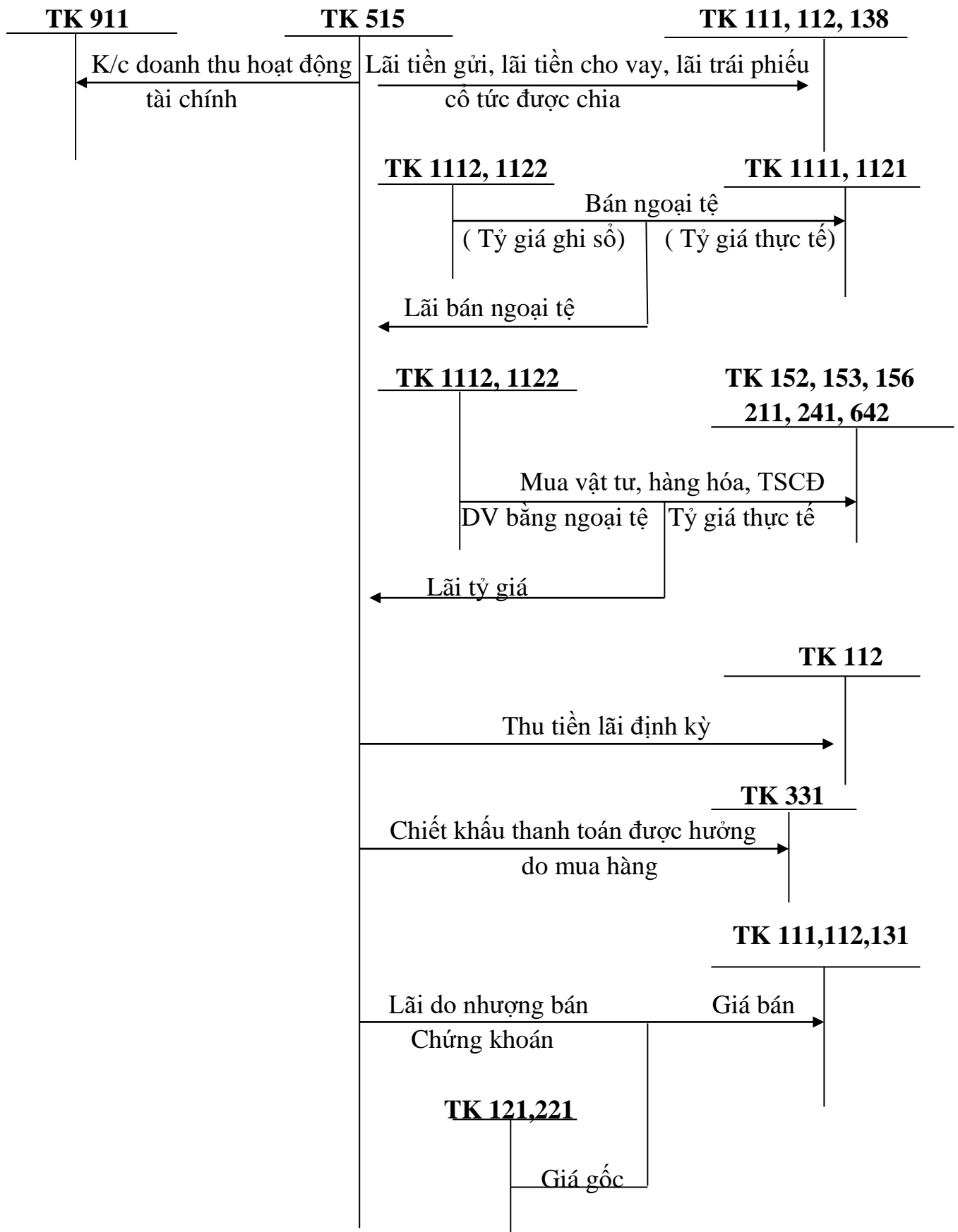
**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 515: “ Doanh thu hoạt động tài chính”

**\* Kết cấu tài khoản:**

<b>Nợ</b>	<b>TK 515</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết</li> <li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái</li> <li>- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ</li> <li>- Chênh lệch do chuyển nhượng vốn</li> <li>- Các khoản doanh thu do hoạt động tài chính khác</li> </ul>
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>

**\* Phương pháp hạch toán:**



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính theo QĐ48/2006-BTC**

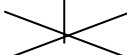
**1.3.4.2. Kế toán chi phí tài chính****\* Chứng từ sử dụng:**

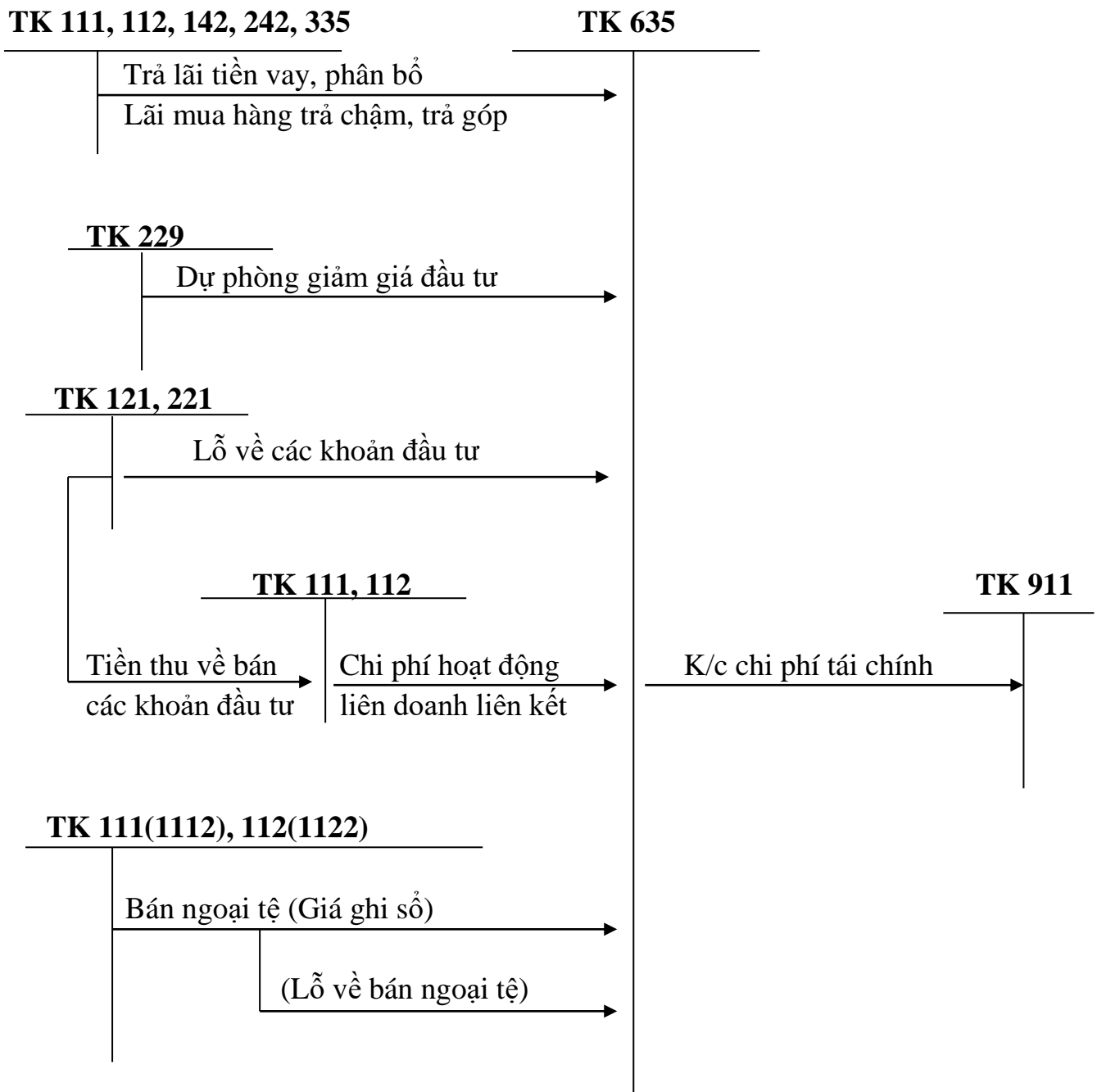
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 635: “ Chi phí tài chính”

**\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.</li> <li>- Lỗ bán ngoại tệ.</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua</li> <li>- Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.</li> <li>- Chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>
		

**\* Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính theo QĐ48/2006-BTC**

**1.3.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác****1.3.5.1. Kế toán thu nhập khác****\* Chứng từ sử dụng:**

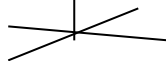
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng:**

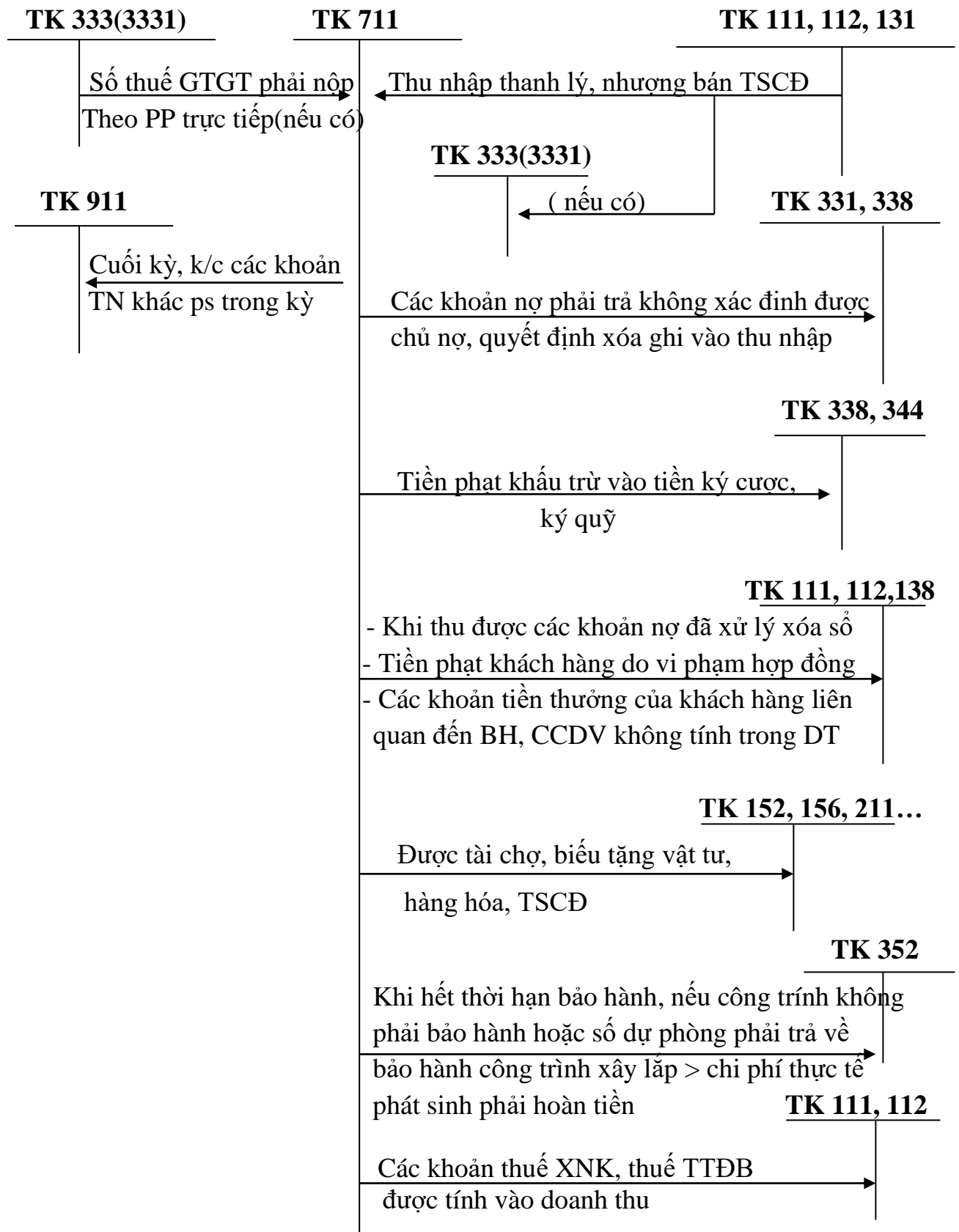
TK 711: “ Thu nhập khác”

**\* Kết cấu tài khoản**

<b>Nợ</b>	<b>TK 711</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ.</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>



**\* Phương pháp hạch toán:**



**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán thu nhập khác theo QĐ48/2006-BTC**



**1.3.5.2. Kế toán chi phí khác.****Chi phí khác bao gồm:**

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản phí khác

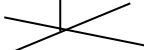
**\* Chứng từ sử dụng:**

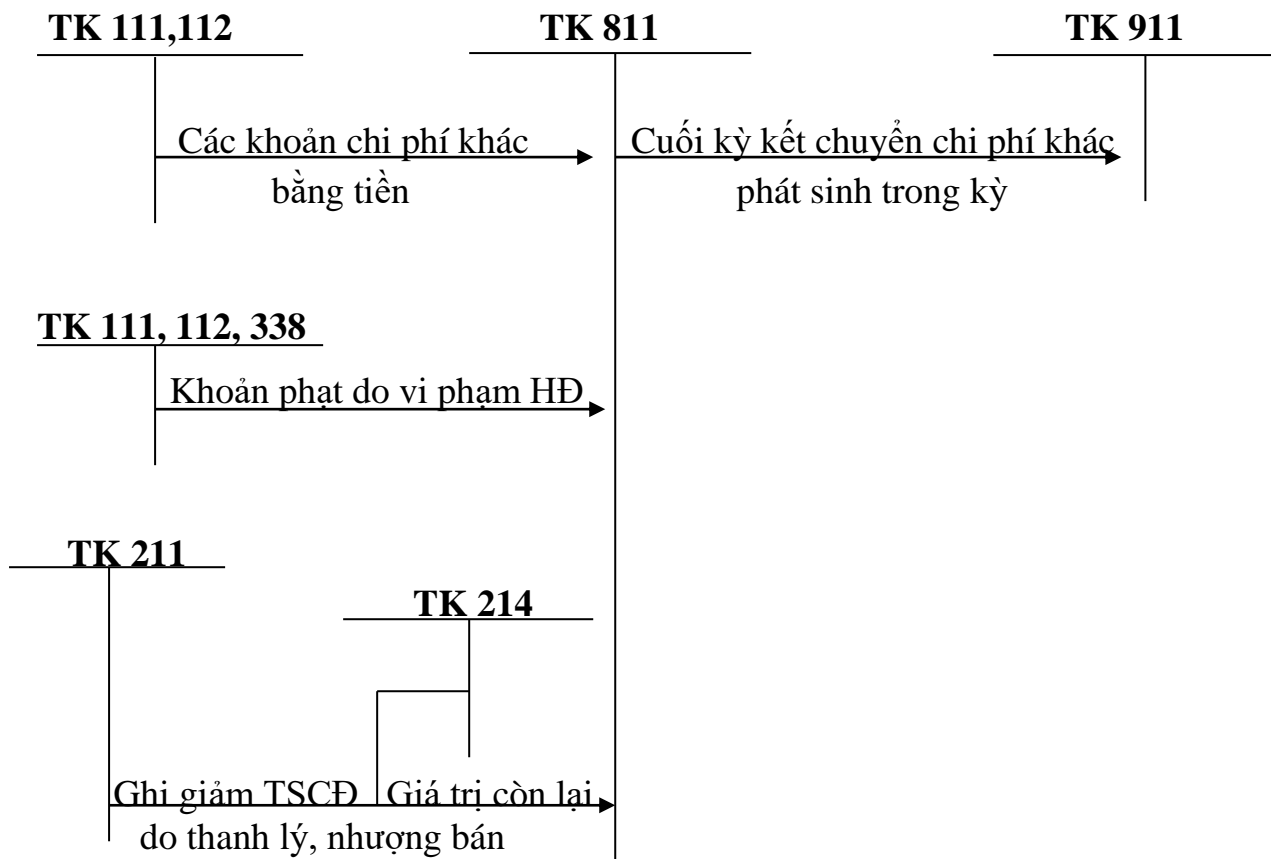
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 811: “Chi phí khác”

**\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ		K/c toàn bộ chi phí vào TK 911
<b>Tổng phát sinh nợ</b>		<b>Tổng phát sinh có</b>
		

**\* Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí khác theo QĐ48/2006-BTC**


**1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.****\* Chứng từ sử dụng:**

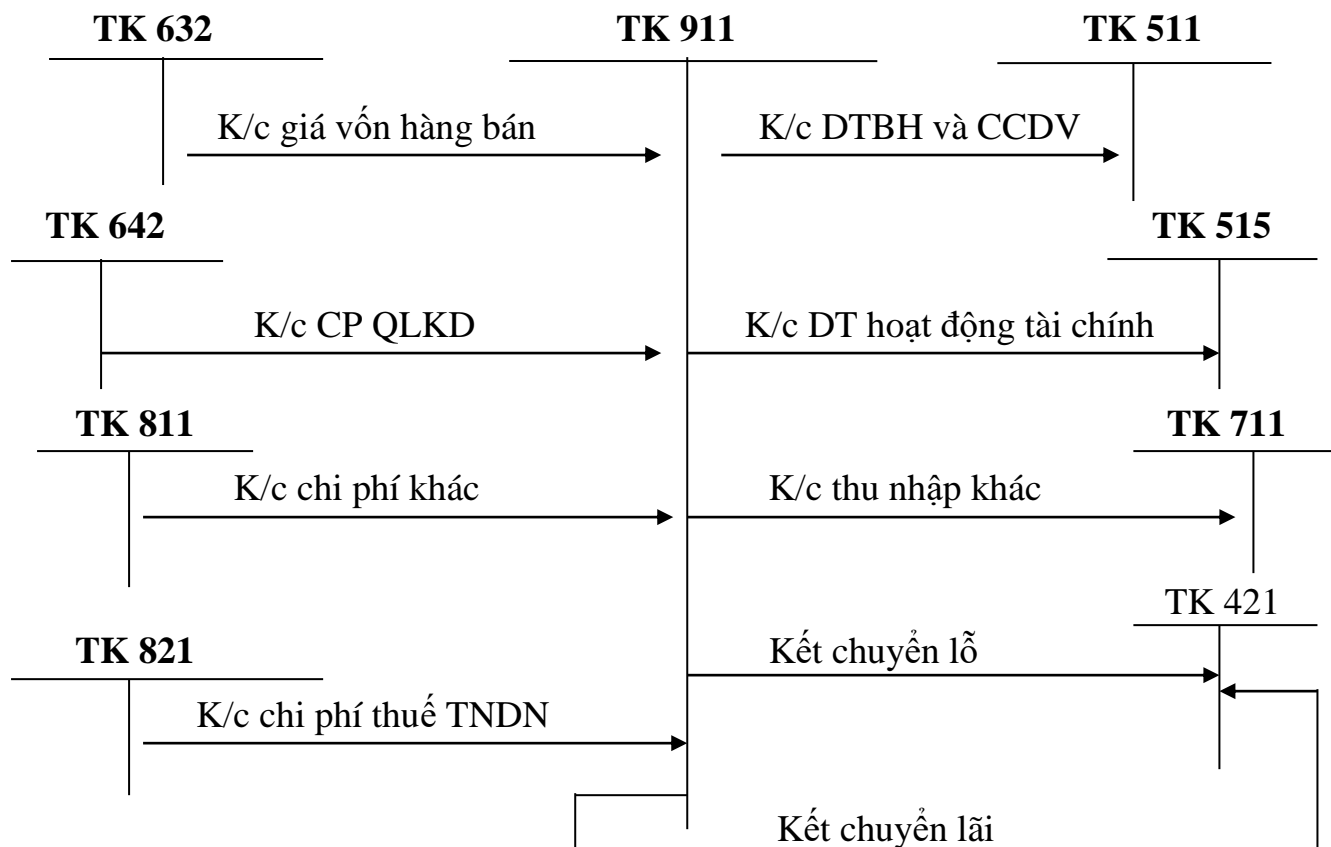
- Phiếu kế toán

**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

**\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>	
<b>Tổng số phát sinh nợ</b>		<b>Tổng số phát sinh có</b>
		

**\* Phương pháp hạch toán.**

**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo QĐ48/2006-BTC**

#### 1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

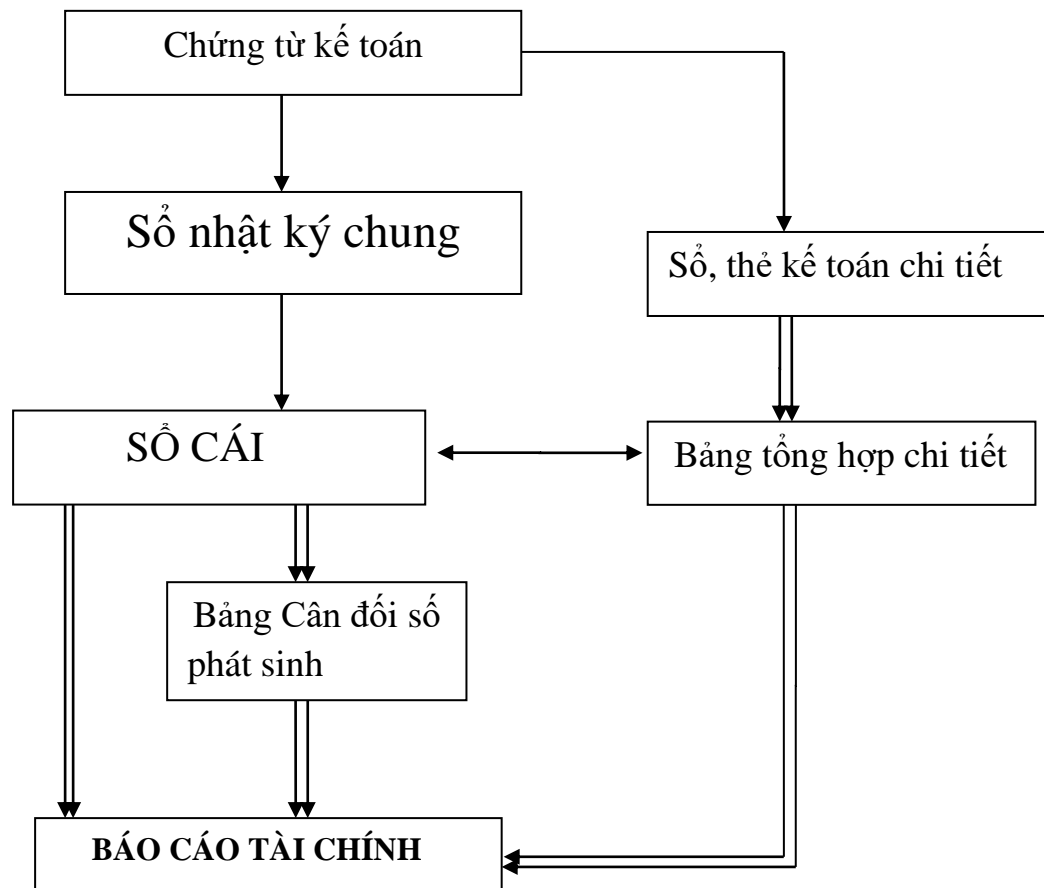
##### \* Đặc trưng cơ bản hình thức nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cho từng nghiệp vụ phát sinh.

\* Các loại sổ chủ yếu: - Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

- Sổ cái

- Các sổ các thẻ kế toán chi tiết

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.**

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

+ Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

**CHƯƠNG 2:****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc là công ty TNHH 1 TV chuyên phân phối bia và nước giải khát có trụ sở chính tại Hải Phòng

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc
- Ngày thành lập: 24 – 04 – 2009
- Giấy phép số: 0200905782 Do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 5 – Thị Trấn Tiên Lãng – Huyện Tiên Lãng – HP
- Mã số thuế: 0200905782
- Vốn điều lệ: 1.900.000.000

Từ khi mới khi mới thành lập cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 7 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Năm 2009 thành lập công ty THH TM và DV Minh Lộc với hoạt động phân phối bia và nước giải khát cùng đội ngũ nhân sự gồm 15 người

Năm 2010 công ty TNHH TM và DV Minh Lộc đã trở thành nhà phân phối bia và nước ngọt lớn nhất cho toàn khu vực huyện Tiên Lãng

Năm 2012 công ty đã mở rộng thị trường sang các khu vực lân cận như Vĩnh Bảo, An Lão

Hiện nay, công ty TNHH TM và DV Minh Lộc đã trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối bia và nước giải khát cho toàn khu vực Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão và đang từng bước tiếp cận và mở rộng thị trường sang khu vực lân cận như Kiến An và một số huyện của Hải Dương giáp với Hải phòng

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

Công ty chuyên cung cấp các loại bia và nước giải khát

Bia gồm có các loại : Bia chai 450 ml, bia lon HN 200ml, bia Haliken lon...

Nước ngọt gồm có các loại: nước khoáng Faith chanh muối, nước khoáng

Quang hanh nước Aquafina...

### **2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- *Thuận lợi:*

Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm tốt

Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

Cơ sở vật chất tốt như: xe tải chuyên chở hàng cỡ lớn, cỡ nhỏ, nhà kho sạch sẽ thoáng đãng, rộng rãi đáp ứng nhu cầu chứa hàng tốt

Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

- *Khó khăn:*

Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc

Nhu cầu sử dụng của khách hàng đa dạng và có tính thời vụ

Đối thủ cạnh tranh nhiều, hàng giả, hàng nhái kém chất lượng với giá rẻ tràn lan trên thị trường

### **2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2013 - 2015)**

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Cung cấp đa dạng các sản phẩm với giá cả cạnh tranh nhất.

- Năm 2012 Công ty được tặng bằng khen *Lao động tiên tiến* do thành ủy Tiên Lãng trao tặng. Đây là một sự khẳng định cho những nỗ lực của doanh nghiệp.

- Ngoài những điều đã nêu thì doanh thu hàng năm của công ty ngày càng tăng cũng thể hiện những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ quản lý và nhân viên trong công ty.

Doanh thu, lợi nhuận tăng đều trong các năm. Thể hiện qua báo cáo qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu BH và CCDV	20.563.055.664	26.750.590.795	30.456.543.675
Các khoản giảm trừ DT			
Doanh thu thuần	20.563.055.664	26.750.590.795	30.456.543.675
Giá vốn hàng bán	19.578.623.675	25.654.789.765	28.967.345.765
Lợi nhuận gộp	984.431.989	1.095.801.030	1.489.197.910
Doanh thu HĐTC	59.000	40.357	45.000
Chi phí tài chính	95.000.000	255.000.000	190.000.000
CPQLKD	598.122.370	650.500.338	893.032.666
Thu nhập khác			
Chi phí khác			
LNTT	291.318.619	190.341.049	406.210.244
Thuế TNDN	64.101.096	41.875.038	89.366.254
LNST	227.267.523	148.466.018	316.843.990

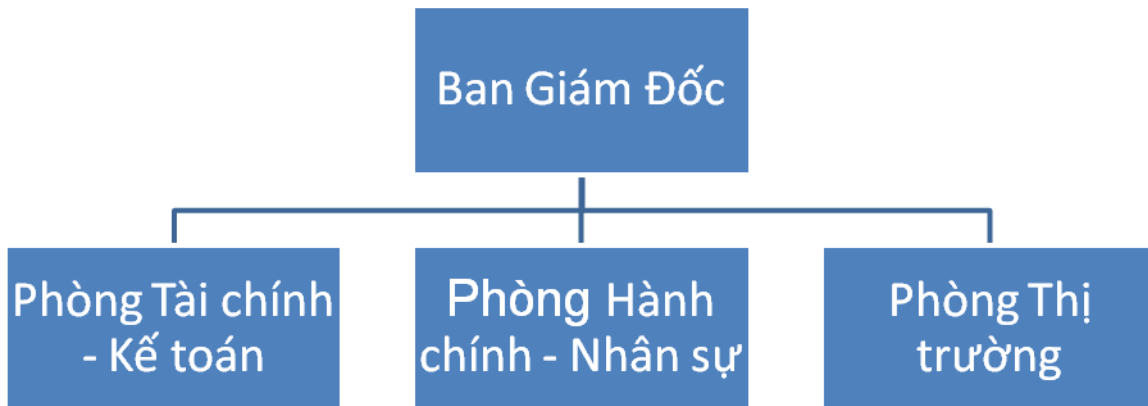
Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của 3 năm thấy tình hình công ty biến động qua từng năm. Công ty hoạt động hiệu quả, lợi nhuận tuy không tăng đều qua các năm nhưng cũng có những chuyển biến tốt cụ thể 2013 là hơn 227 triệu, năm 2014 là hơn 148 triệu, năm 2015 là hơn 316 triệu

Với những khó khăn hiện nay của nền kinh tế. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế, lạm phát ngày càng tăng cao. Tuy nhiên,



với những chiến lược kinh doanh thông minh, linh hoạt, biết nắm bắt xu hướng, tâm lý khách hàng doanh nghiệp đã nắm vững thị phần và không những vậy thị phần còn ngày một gia tăng.

### 2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



#### Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

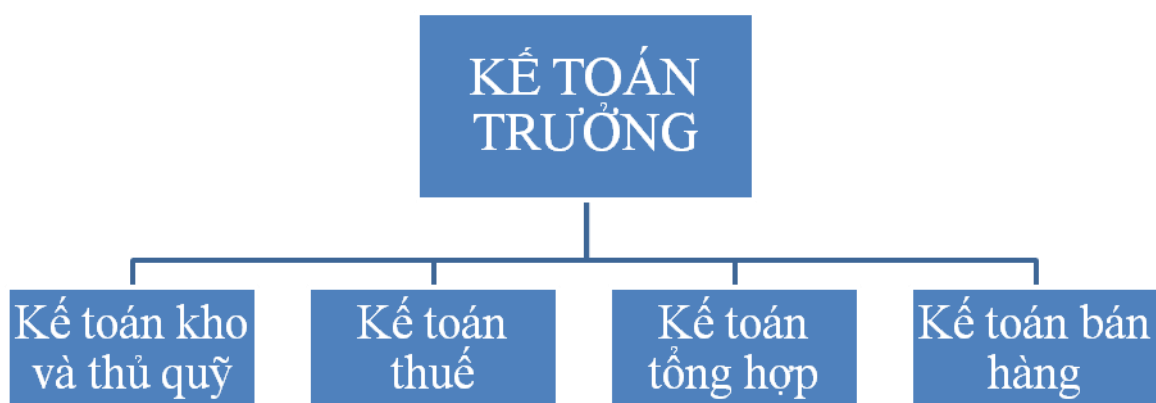
*Chức năng của từng phòng ban*

- **Ban giám đốc công ty:** Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính
- **Phòng Thị trường:** Chịu trách nhiệm về phần hình ảnh của công ty, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.
- **Phòng Hành chính – Nhân sự:** Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự.

## 2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

### 2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.



### Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- **Kế toán trưởng:** Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành
- **Kế toán kho và thủ quỹ:** Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

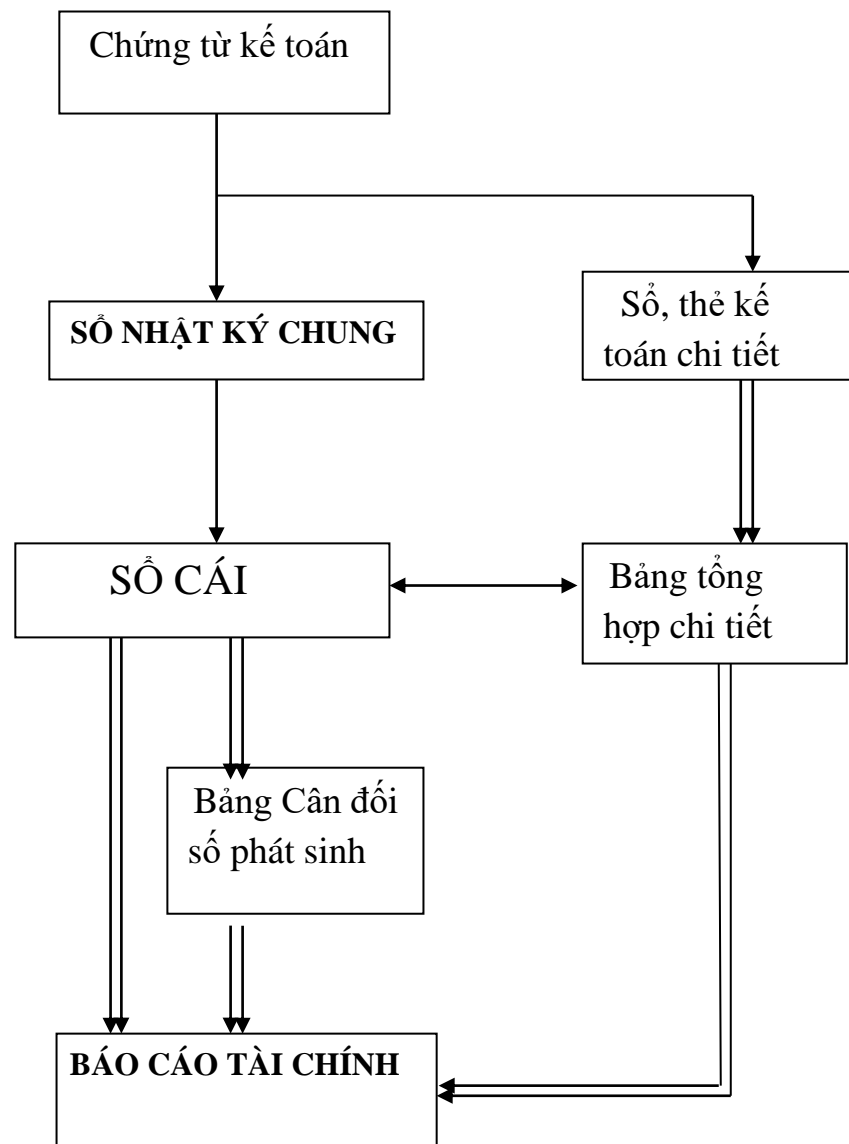
- **Kế toán thuế:** Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách
- **Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo tài chính.
- **Kế toán bán hàng:** Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

#### **2.1.6.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

*Hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Công ty sử dụng VND là loại tiền chính để hạch toán



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó căn cứ số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu đã ghi ở Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

## **2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC**

### **2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc**

*Doanh thu bán hàng của công ty có được chủ yếu từ việc bán các loại bia và nước giải khát*

*Phương thức tính giá xuất kho: Nhập trước xuất trước*

*Phương thức bán hàng: Bán trực tiếp*

*Hình thức thanh toán : Tiền mặt*

*Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT*

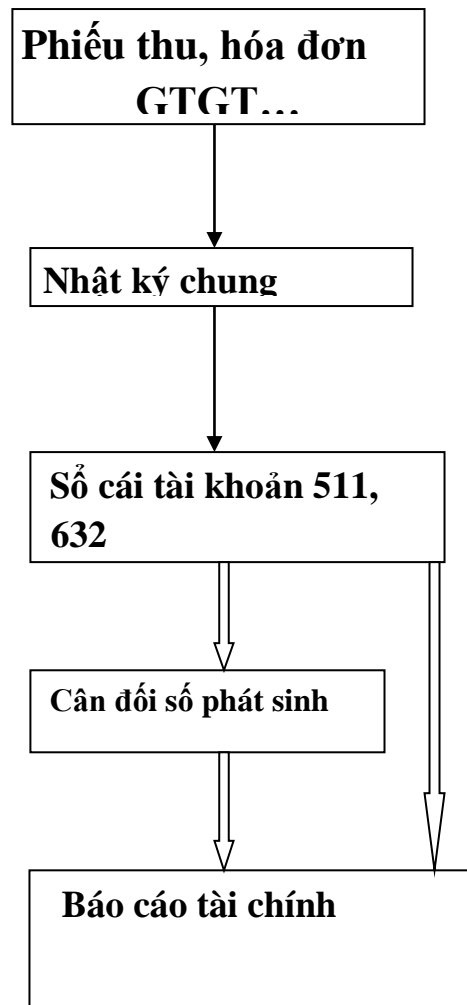
Phiếu thu

Phiếu xuất kho

Các chứng từ khác có liên quan

*Tài khoản sử dụng: 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

632: Giá vốn hàng bán



*Ghi chú:*

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán**

*Ví dụ minh họa:*

Ví dụ 1:

Ngày 07/11/2015 công ty bán hàng cho các đại lý bán lẻ trong khu vực số tiền: 180.400.000 ( cả thuế GTGT)

**Biểu số 01:** Hóa đơn GTGT số 69

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: ML/15P			
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 07 tháng 11 năm 2015	Số: <b>0000069</b>				
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC</b>					
Mã số thuế : 020090582					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại/Fax: 031.3683174					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>Đại lý bán lẻ</b>					
Mã số thuế: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Địa chỉ:					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Bia chai 450 ml	Két	600	122.727,27	73.636.364
2	Bia lon Hà Nội	Thùng	400	185.545,45	74.218.182
3	Aquafina – Pet 24x500ml	Thùng	200	65.636,36	13.127.273
4	Aquafina – Pet 4x5000ml	Thùng	50	60.363,64	3.018.182
Cộng tiền hàng:					164.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					16.400.000
Tổng tiền thanh toán:					180.400.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 02: Phiếu thu**

Cty TNHH TM DV Minh Lộc Khu 5 Thị trấn Tiên Lãng - Tiên Lãng - Hải Phòng MST: 0200905782		<b>PHIẾU THU</b>		<b>Mẫu số 01-TT</b> (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)	
		Số : 05/11			
		Ngày 07 tháng 11 năm 2015			
				<b>Nợ</b>	<b>1111</b> 180.400.000
				<b>Có</b>	<b>511</b> 164.000.000
				<b>3331</b>	16.400.000
Họ tên người nộp tiền: <b>Nguyễn Thị Anh</b>					
Địa chỉ : Cty TNHH TM DV Minh Lộc					
Đơn vị công tác (DN): Cty TNHH TM DV Minh Lộc					
Nội dung nộp tiền: Thu tiền hàng từ các đại lý bán lẻ					
Số tiền <b>180.400.000</b> đồng					
Viết bằng chữ: <b>Một trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng./</b>					
Kèm theo 1 Chứng từ gốc					
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)		<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)		<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	
				<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	
				<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	



Biểu số 03: Phiếu xuất kho 05/11

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 05/11

Họ tên người nhận hàng: **Đỗ Ánh Nguyệt****Nợ 632: 162.881.889**

Lý do xuất: Xuất bán

**Có 156: 162.881.889**

Xuất tại kho: Công ty

Kèm theo hóa đơn GTGT số: 69

NT Xuất	Số HD	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Mã hàng	Đơn giá	Xuất	
						SL	Thành tiền
07/11	69	Bia chai 450 ml	Két	BHNC	122.628,00	600	73.576.800
07/11	69	Bia lon Hà Nội	Thùng	BHNL	182.926,40	400	73.170.558
07/11	69	Aquafina – Pet 24x500ml	Thùng	AQP500	66.341,49	200	13.268.297
07/11	69	Aquafina – Pet 4x5000ml	Thùng	AQP5000	57.324,67	50	2.866.234
		<b>Tổng cộng</b>					<b>162.881.889</b>

*Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm tám mươi một ngàn tám trăm tám mươi chín./.***Người nhận hàng****Kế toán trưởng****Giám đốc**

Ví dụ 2:

Ngày 11/12 bán hàng cho công ty CP ĐT Đức Thắng đã thu bằng tiền mặt số tiền 16.856.000 ( cả thuế GTGT)

**Biểu số 04:** Hóa đơn GTGT số 99

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: ML/15P																
Liên 3: Nội bộ																			
Ngày 11 tháng 12 năm 2015			Số: <b>0000099</b>																
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC</b>																			
Mã số thuế : 020090582																			
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng																			
Số tài khoản :																			
Điện thoại/Fax: 031.3683174																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: <b>Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng</b>																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">-</td></tr></table>						0	2	0	1	0	9	6	3	7	2	-	-	-	-
0	2	0	1	0	9	6	3	7	2	-	-	-	-						
Địa chỉ:																			
Hình thức thanh toán: TM			Số tài khoản:																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6														
1	Aquafina – Pet 12x1500ml	Thùng	20	69.363,64	1.387.273														
2	CC Lemon Lon 4x(6x330ml)	Thùng	150	92.909,09	13.936.364														
<b>Cộng tiền hàng:</b>					15.323.636														
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.532.364														
<b>Tổng tiền thanh toán:</b>					16.856.000														
Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm năm sáu nghìn đồng./																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																			

**Biểu số 05: Phiếu thu**

Cty TNHH TM DV Minh Lộc Khu 5 Thị trấn Tiên Lãng - Tiên Lãng - HP MST: 0200905782		<b>PHIẾU THU</b>	Mẫu số 01-TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)	
		Số : 09/12 Ngày 11 tháng 12 năm 2015		
Họ tên người nộp tiền: <b>Nguyễn Thị Anh</b>		Quyển số :		
Địa chỉ : Cty TNHH TM DV Minh Lộc		Nợ	1111	16.856.000
Đơn vị công tác (DN): Cty TNHH TM DV Minh Lộc		Có	511	15.323.636
Nội dung nộp tiền: Thu tiền hàng công ty Đức Thắng			3331	1.532.364
Số tiền	<b>16.856.000</b>	<b>đồng</b>		
Viết bằng chữ:	<b>Mười sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng./</b>			
Kèm theo	1	Chứng từ gốc		
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)

**Biểu số 06:** Phiếu xuất kho**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 09/12

Họ tên người nhận hàng: **Đỗ Ánh Nguyệt****Nợ 632: 15.250.001**

Lý do xuất: Xuất bán

**Có 156: 15.250.001**

Xuất tại kho: Công ty

Kèm theo hóa đơn GTGT số: 99

NT Xuất	Số HD	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Mã hàng	Đơn giá	Xuất	
						SL	Thành tiền
11/12	99	Aquafina – Pet 12x1500ml	Thùng	AQP1500	69.090,90	20	1.381.818
11/12	99	CC Lemon Lon 4x(6x3330ml)	Thùng	CCLL	92.454,55	150	13.868.183
		<b>Tổng cộng</b>					<b>15.250.001</b>

*Mười năm triệu hai trăm năm mươi ngàn không trăm lẻ một đồng./.***Người nhận hàng****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu số 07:** Trích sổ nhật ký chung năm 2015:Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

( Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ. Ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
....	....	.....	....	.....	.....
PT 02/11	05/11	Bán hàng cho cty CP XD Minh Thù	111	10.849.880	
			511		9.863.455
			3331		986.345
PXK 02/11	05/11	Giá vốn hàng bán	632	9.295.256	
			156		9.295.256
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PT 05/11	07/11	Bán hàng cho các đại lý bán lẻ	111	180.400.000	
			511		164.000.000
			3331		16.400.000
PXK 05/11	07/11	Giá vốn hàng bán	632	162.881.889	
			156		162.881.889
.....	...	.....	.....	.....	.....
PT 09/12	11/12	Bán hàng cho cty CP ĐT Đức Thắng	111	16.856.000	
			511		15.323.636
			3331		1.532.364
PXK 09/12	11/12	Giá vốn hàng bán	632	15.250.001	
			156		15.250.001
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng</b>		<b>200.589.320.200</b>	<b>200.589.320.200</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 08:** Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....		.....	.....	.....	.....	.....
PT02/11	05/11	Cty CP XD Minh Thùy	Bán hàng	111		9.863.455
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PT05/11</b>	<b>07/11</b>	<b>Đại lý bán lẻ</b>	<b>Bán hàng</b>	<b>111</b>		<b>164.000.000</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PT09/12</b>	<b>11/12</b>	<b>Cty CP ĐT Đức Thắng</b>	<b>Bán hàng</b>	<b>111</b>		<b>15.323.636</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PT15/12	18/12	Đại Lý bán lẻ	Bán hàng	111		51.059.091
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 01	31/12		Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	30.456.543.675	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>30.456.543.675</b>	<b>30.456.543.675</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 09:** Trích sổ cái TK 632Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....		.....	.....	.....	.....	.....
PXK02/11	05/11	Cty CP XD Minh Thùy	Bán hàng	156	9.295.256	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PXK05/11</b>	<b>07/11</b>	<b>Đại lý bán lẻ</b>	<b>Bán hàng</b>	<b>156</b>	<b>162.881.889</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PXK09/12</b>	<b>11/12</b>	<b>Cty CP ĐT Đức Thắng</b>	<b>Bán hàng</b>	<b>156</b>	<b>15.250.001</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PXK15/12	18/12	Đại Lý bán lẻ	Bán hàng	156	50.123.009	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 02	31/12		Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		28.967.345.765
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>28.967.345.765</b>	<b>28.967.345.765</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty gồm những chi phí sau:

- Chi phí xăng dầu
- Chi phí nhân công bộ phận văn phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi

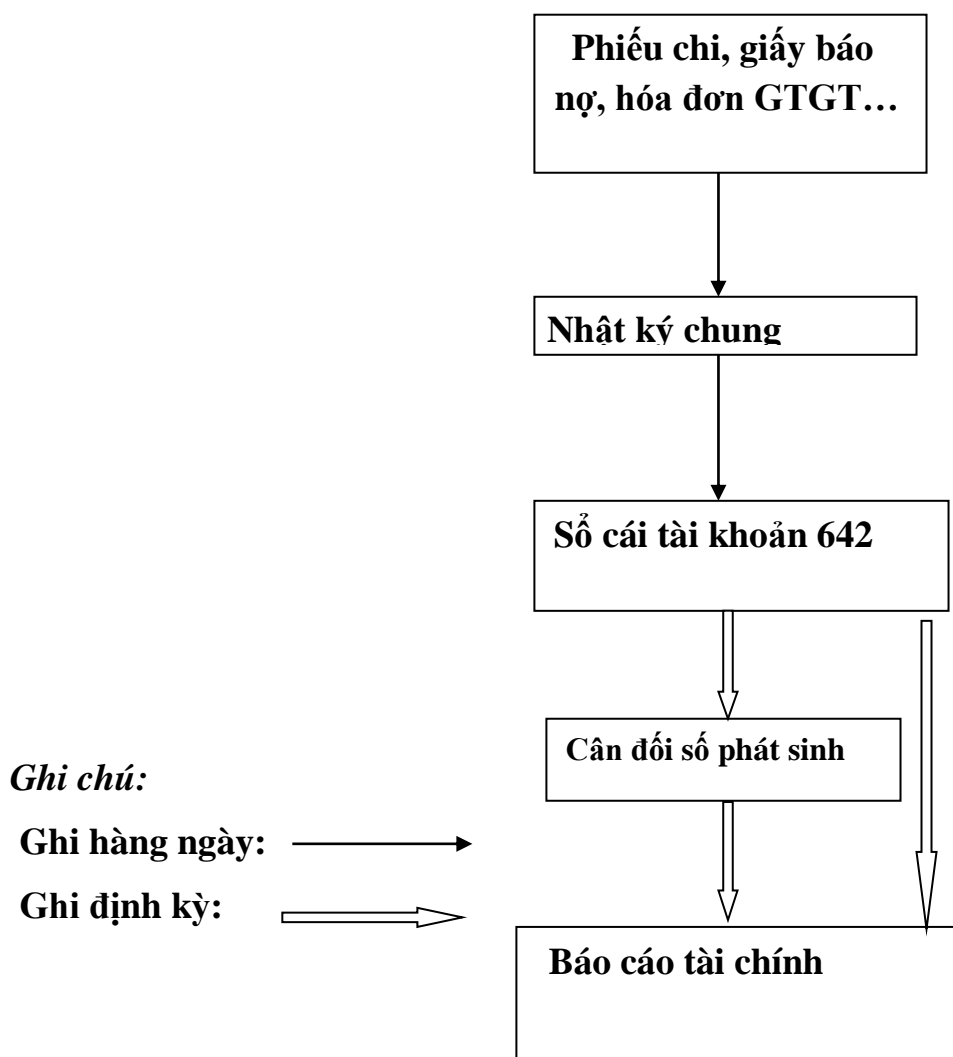
Giấy báo nợ

Hóa đơn GTGT

Bảng thanh toán lương

Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng: 642 : Chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.



Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 01-12-2015 Công ty thanh toán tiền mua dầu DO 0.05S của công ty Xăng dầu Khu vực III – TNHH 1 TV đã trả bằng tiền mặt 5.512.080 ( bao gồm thuế VAT 10% )

**Biểu số 10:** Hóa đơn GTGT số 0127608

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III TNHH 1 TV

Mẫu số: 01GTKT2/003

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: AC/15P

(Liên 2: Giao người mua)

Số: **0127608**

Ngày 1 tháng 12 năm 2015

16:00

Đơn vị bán: **CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH 1 TV**

Mã số thuế: 0200120833

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Cửa hàng số:

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Minh Lộc

Mã số thuế: 0200905782

Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng H Tiên Lãng TP Hải phòng Phương thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DO 0.05S	Lít	408,00	12.281,82	5.010.982
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>5.010.982</b>
<b>Tiền thuế GTGT ( 10% )</b>					<b>501.098</b>
<b>Tiền phí khác</b>					
<b>Tổng số tiền thanh toán</b>					<b>5.512.080</b>

Tổng số tiền thanh toán: *Năm triệu, năm trăm mười hai ngàn, tám mươi đồng chẵn.*

**Người mua hàng**

( Ký, ghi rõ họ tên )

**Người bán hàng**

( Ký, ghi rõ họ tên )



( Cần kiểm, tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn )

**Biểu số 11: Phiếu chi**

Cty TNHH TM và DV  
Minh Lộc

Khu 5 - Thị Trấn - Tiên Lãng - Hải Phòng

MST: 0200905782

**PHIẾU CHI**

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số 01/12

Ngày 01 tháng 12 năm 2015

Quyển số :

Nợ            642        5.010.982

                  133        501.098

Có            1111        5.512.080

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Anh**

Địa chỉ :            Cty CP TM DV Minh Lộc

Đơn vị công tác (DN): Cty CP TM DV Minh Lộc

Nội dung chi tiền:            Chi tiền mua Dầu

Số tiền                    **5.512.080            đồng**

Viết bằng chữ:            **Năm triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi đồng./**

Kèm theo            1            Chứng từ gốc

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

*Ví dụ 2: Ngày 31 tháng 12 công ty tính lương phải trả cho bộ phận văn phòng 12 năm 2015*

**Biểu số 12:** Bảng lương bộ phận văn phòng tháng 12

## BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG BỘ PHẬN VP

Tháng 12 năm 2015

stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Lương thời gian		Tổng số	Các khoản phải khấu trừ vào lương					Thực lĩnh	Ký nhận
				Số công	Số tiền		BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thuế TNCN	Cộng		
1	Trần Thị Quỳnh	Giáo sư	4,500,000	26	4,500,000	4,500,000	360,000	67,500	45,000		472,500	4,027,500	
2	Hoàng Thị Hương	PGS	4,200,000	26	4,200,000	4,200,000	336,000	63,000	42,000		441,000	3,759,000	
3	Trần Thị Quang	KTT	4,000,000	26	4,000,000	4,000,000	320,000	60,000	40,000		420,000	3,580,000	
4	Trần Thị Quỳnh	TP	4,000,000	26	4,000,000	4,000,000	320,000	60,000	40,000		420,000	3,580,000	
5	Bà Thị Bích Ngọc	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
6	Nguyễn Thị Anh	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
7	Nguyễn Thị Hồng	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
8	Trần Ngọc Anh	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
9	Trần Thị Ngọc	TP	4,000,000	26	4,000,000	4,000,000	320,000	60,000	40,000		420,000	3,580,000	
10	Phạm Huy Quang	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
11	Hoàng Thị Từ	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
12	Phạm Hậu Chính	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
13	Trần Thị T	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
14	TRẦN ANH T	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
15	Nguyễn Ngọc T	NV	3,600,000	26	3,600,000	3,600,000	288,000	54,000	36,000		378,000	3,222,000	
	<b>Cộng</b>		<b>56,700,000</b>	<b>390</b>	<b>56,700,000</b>	<b>56,700,000</b>	<b>4,536,000</b>	<b>850,500</b>	<b>567,000</b>	<b>-</b>	<b>5,953,500</b>	<b>50,746,500</b>	

**Biểu số 13:** Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2015

( Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	...	.....	.....
<b>PC</b>	<b>01/12</b>	<b>Mua dầu DO</b>	<b>642</b>	<b>5.010.982</b>	
<b>01/12</b>		<b>0,05 của Cty</b>			
		<b>xăng dầu KVIII</b>	<b>133</b>	<b>501.098</b>	
			<b>1111</b>		<b>5.512.080</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC	11/12	Mua dầu DO	642	6.285.673	
10/12		0,05 của Cty			
		xăng dầu KVIII	133	628.567	
			1111		6.914.240
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BL</b>	<b>31/12</b>	<b>Tính lương phải</b>	<b>642</b>	<b>56.700.000</b>	
<b>T12</b>		<b>trả T12</b>			
		<b>Bộ phận Vp</b>	<b>334</b>		<b>56.700.000</b>
...	...	.....	....	.....	.....
		<b>Tổng</b>		<b>200.589.320.200</b>	<b>200.589.320.200</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 14:** Trích sổ cái 642Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 642 – Chi phí QLKD

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			...			
<b>PC01/12</b>	<b>01/12</b>	<b>Cty xăng dầu KVIII</b>	<b>Mua Dầu DO 05</b>	<b>111</b>	<b>5.010.982</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC10/12	11/12	Cty xăng dầu KVIII	Mua dầu DO 05	111	6.285.673	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BLT12</b>	<b>31/12</b>		<b>Trả lương T12</b>	<b>334</b>	<b>56.700.000</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 05	31/12		Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		893.032.666
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>893.032.666</b>	<b>893.032.666</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, ghi rõ họ tên)

### 2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là: Lãi tiền gửi Ngân hàng

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là: Trả lãi vay Ngân hàng

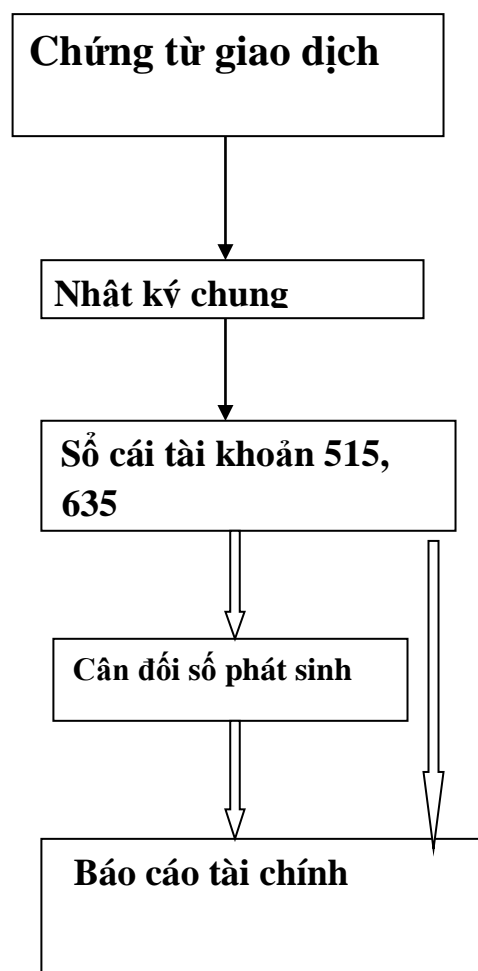
*Chứng từ sử dụng:* Chứng từ giao dịch

*Tài khoản sử dụng:*

515 Doanh thu tài chính

635 Chi phí tài chính

*Trình tự ghi số:* Theo sơ đồ 2.7



***Ghi chú:***

**Ghi hàng ngày:**  $\longrightarrow$

**Ghi định kỳ:**  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.7: Trình tự kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính**

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 31 tháng 10 nhận lãi tiền gửi tháng 10 năm 2015

### Biểu số 15: Chứng từ giao dịch



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
NoPTNT – CN H. Tiên Lãng – Hải Phòng  
Mã số thuế của CN: 0100686174-905

### CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 210606C0000010

<b>Tên khách hàng</b> ( Customer Name) Cty TNHH TM và DV Minh Lộc Địa chỉ: Khu 5 Thị Trấn Tiên Lãng Hải Phòng 0903289373 Mã số thuế KH: 0200905782	<b>Ngày giao dịch</b> (Date)  31/10/2015
--	---

Thông báo với quý khách hàng ( This is to certify that)

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have debited the following amount from your account/ or received bay cash.)

✓ Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have debited the following amount to your account/ or received bay cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai thu tiền lãi vay		
Số TK (A/C No)	2106201001018	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	1,400	31/10/2015
Tổng		VND	1,400	

Fist Interest Amuont: 1,400 Term: 01/10/2015 – 31/10/2015 Base Rate: 0.7 + Interest Rare: 0.7%
--

Người in: Đoàn thị Mai Hiền

D: Nợ, C: Có

Trang 1/1

Ngày in: 31/10/2015

Giờ in: 14:12:45

TEL: 1

FAX: 1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc



Ví dụ 2: Ngày 30/11 trả lãi vay tháng 11 năm 2015

**Biểu số 16: Chứng từ giao dịch**

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
NoPTNT – CN H. Tiên Lãng – Hải Phòng  
Mã số thuế của CN: 0100686174-905

**CHỨNG TỪ GIAO DỊCH**

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 210606C0000010

<b>Tên khách hàng</b> ( Customer Name) Cty TNHH TM và DV Minh Lộc Địa chỉ: Khu5 Thị Trấn Tiên Lãng Hải Phòng0903289373 Mã số thuế KH: 0200905782	<b>Ngày giao dịch</b> (Date)  30/11/2015
--	---

Thông báo với quý khách hàng ( This is to certify that)

✓ Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have debited the following amount from your account/ or received bay cash.)

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.  
(We have debited the following amount to your account/ or received bay cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai thu tiền lãi vay		
<b>Số TK</b> (A/C No)	2106201001018	<b>Số GD</b> (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi vay	D	VND	15.833.333	30/11/2015
Tổng		VND	15.833.333	

<b>Fist Interest Amuont: 15.833.333</b> <b>Term: 01/11/2015 – 30/11/2015</b> <b>Interest Rare: 9.5%</b>
---

Người in: Đoàn thị Mai Hiền

D: Nợ, C: Có

Trang1/1

Ngày in:30/11/2015

Giờ in: 16:13:49

TEL: 1

FAX: 1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

**Biểu số 17:** Trích sổ nhật ký chungĐơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

(Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

*Đơn vị tính: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TK Đ.U'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	....	.....	.....
<b>CTGD</b>	<b>31/10</b>	<b>Nhận lãi tiền gửi T10</b>	<b>112</b>	<b>1.400</b>	
			<b>515</b>		<b>1.400</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>CTGD</b>	<b>25/11</b>	<b>Trả lãi vay tháng 11</b>	<b>635</b>	<b>15.833.333</b>	
			<b>112</b>		<b>15.833.333</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>CTGD</b>	<b>30/11</b>	<b>Nhận lãi tiền gửi T11</b>	<b>112</b>	<b>1.000</b>	
			<b>515</b>		<b>1.000</b>
			<b>...</b>	<b>.....</b>	<b>.....</b>
		<b>Tổng</b>		<b>200.589.320.200</b>	<b>200.589.320.200</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 18:** Trích sổ cái 515Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

( Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 515 – Doanh thu tài chính

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
<b>CTGD</b>	<b>31/10</b>		<b>Nhận lãi tiền gửi T10</b>	<b>112</b>		<b>1.400</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
CTGD	30/11		Nhận lãi tiền gửi T11	112		1.000
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 03	31/12		Kết chuyển doanh thu tài chính	911	45.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>45.000</b>	<b>45.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**

( ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**

( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 19:** Trích sổ cái 635Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

( Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
CTGD	30/10		Trả lãi vay T10	112	15.833.333	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>CTGD</b>	<b>30/11</b>		<b>Trả lãi vay T11</b>	<b>112</b>	<b>15.833.333</b>	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 04	32/12		Kết chuyển chi phí tài chính	911		190.000.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>190.000.000</b>	<b>190.000.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**

( ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**

( ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, ghi rõ họ tên)

#### 2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

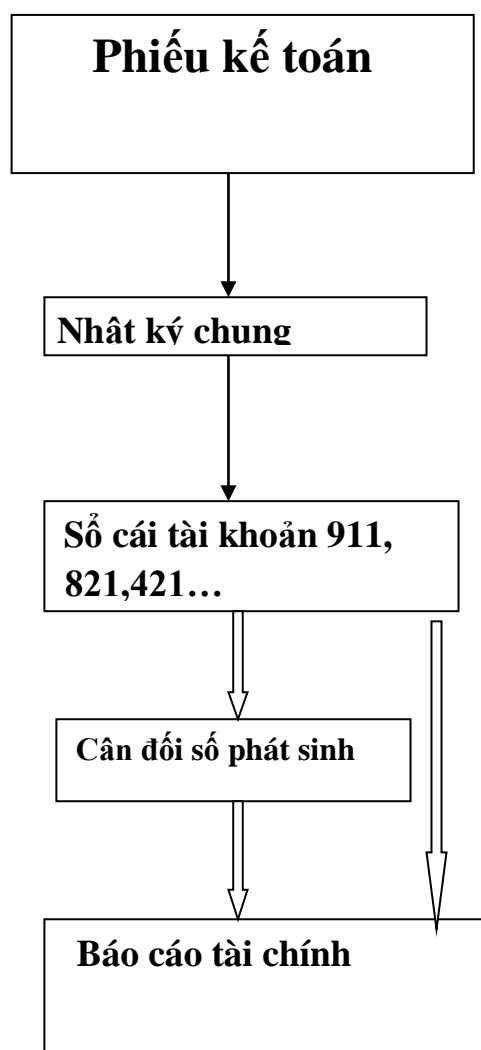
Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

*Chứng từ sử dụng:* Phiếu kế toán

*Tài khoản sử dụng:* 911: Xác định kết quả kinh doanh

821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

421: Lợi nhuận chưa phân phối



**Ghi chú:**

**Ghi hàng ngày:** →

**Ghi định kỳ:** ⇨

**Sơ đồ 2.8:** Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

**Ví dụ minh họa**

*Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2015*

**Biểu số 20: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	30.456.543.675

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 21: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	28.967.345.765

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 22: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	45.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 23: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	190.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 24: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	893.032.666

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)



**Biểu số 25: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 06

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Xác định thuế TNDN	821	3334	89.366.254

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 26: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 07

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	89.366.254

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 27: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc  
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**PHIẾU KẾ TOÁN**

SỐ 08

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển LNST	911	421	316.843.990

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 28:** Trích sổ Nhật Ký chung năm 2015

Mẫu số: S03a-DNN  
 (Ban hành kèm theo Quyết định  
 Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày  
 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

*Đơn vị tính: Đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
SH	NT		ĐỐI ƯNG	Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	30.456.543.675	
			911		30.456.543.675
PKT 02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	28.967.345.765	
			632		28.967.345.765
PKT 03	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	45.000	
			911		45.000
PKT 04	31/12	Kết chuyển CPTC	911	190.000.000	
			635		190.000.000
PKT 05	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	893.032.666	
			642		893.032.666
PKT 06	31/12	Xác định thuế TNDN	821	89.366.254	
			3334		89.366.244
PKT 07	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	89.366.254	
			821		89.366.244
PKT 08	31/12	Kết chuyển LNST	911	316.843.990	
			421		316.843.990
		<b>Tổng</b>		<b>200.589.320.200</b>	<b>200.589.320.200</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 29:** Trích sổ cái 911Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		-	-
<b>PKT 01</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển doanh thu bán hàng</b>	<b>511</b>		<b>30.456.543.675</b>
<b>PKT 02</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>	<b>632</b>	<b>28.967.345.765</b>	
<b>PKT 03</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển DTTC</b>	<b>515</b>		<b>45.000</b>
<b>PKT 04</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển CPTC</b>	<b>635</b>	<b>190.000.000</b>	
<b>PKT 05</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển CPQLKD</b>	<b>642</b>	<b>893.032.666</b>	
<b>PKT 07</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển chi phí thuế TNDN</b>	<b>821</b>	<b>89.366.254</b>	
<b>PKT 08</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển LNST</b>	<b>421</b>	<b>316.843.990</b>	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>30.465.588.675</b>	<b>30.465.588.675</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số30:** Trích sổ cái 421Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>148.466.018</b>
<b>PKT 07</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển LNST</b>	<b>911</b>		<b>316.843.990</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>316.843.990</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>465.310.008</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số31:** Trích sổ cái 821Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

SH	NT	Khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		-	-
<b>PKT 06</b>	<b>31/12</b>		<b>Xác định thuế TNDN</b>	<b>3334</b>	<b>89.366.254</b>	
<b>PKT 07</b>	<b>31/12</b>		<b>Kết chuyển chi phí thuế TNDN</b>	<b>911</b>		<b>89.366.254</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>89.366.254</b>	<b>89.366.254</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập biểu**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)**Giám đốc**  
( Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Mẫu số: B02-DNN. Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2015

Mã số thuế:

0200905782

Người nộp thuế:

Công ty TNHH TM &amp; DV Minh Lộc

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	30.456.543.675	26.750.590.795
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>30.456.543.675</b>	<b>26.750.590.795</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		28.967.345.765	25.654.789.765
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.489.197.910</b>	<b>1.095.801.030</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		45.000	40.357
7	Chi phí tài chính	22		190.000.000	255.000.000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		190.000.000	255.000.000
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		893.032.666	650.500.338
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>406.210.244</b>	<b>190.341.049</b>
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>406.210.244</b>	<b>190.341.049</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		89.366.254	41.875.038
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>316.843.990</b>	<b>148.466.018</b>

Người ký:

Ngày ký:

05/03/2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

### CHƯƠNG 3:

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC

### 3.1.ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.

#### 3.1.1.Kết quả đạt được.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Minh Lộc, em đã hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em thấy công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đạt được những kết quả sau.

##### ❖ Về bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý của công ty được bố trí một cách hợp lý, gọn nhẹ, các phòng ban trong bộ máy được phân chia theo chức năng và có mối liên hệ mật thiết với nhau, cùng hoạt động theo một cơ chế chung, vì mục tiêu chung là đưa Công ty phát triển đi lên.

##### ❖ Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, phù hợp với quy mô, tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn của từng người.



- Phòng kế toán có quy chế rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán.

❖ **Về tổ chức kế toán:**

+ *Về hình thức sử dụng:* Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ thích hợp với quy mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

+ *Về sổ sách kế toán:* Các sổ sách của công ty thực hiện rõ ràng, đầy đủ, được in ra và lưu trữ theo quy định chung của Nhà nước. Đồng thời việc sắp xếp sổ sách tương đối gọn gàng, ngăn nắp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu.

+ *Về chứng từ sử dụng:* Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành kèm theo quyết định 48/2006. Chứng từ được phân loại hệ thống rõ ràng. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Hệ thống chứng từ tập hợp, lưu trữ đầy đủ, sắp xếp, kiểm tra cẩn thận đảm bảo tính trung thực, hợp lý tạo điều kiện cho việc hạch toán đúng, đủ, kịp thời.

+ *Về hệ thống tài khoản:* Công ty sử dụng hệ thống tài khoản tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đúng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006 của Bộ Tài Chính.

❖ **Về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nhìn chung đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thu nhập doanh nghiệp.

+ *Về kế toán doanh thu*: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về kế toán chi phí*: Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm phản ánh tình trạng chi không, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo năm.

### 3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc còn những hạn chế nhất định.

#### **Về chứng từ sử dụng:**

Hiện nay, khi bán hàng cho các đại lý bán lẻ trong ngày mặc dù tổng giá thanh toán của từng đại lý >200.000/ 1 lần mua hàng. Nhưng kế toán chỉ lập chung một hóa đơn cho các đại lý. Điều này vi phạm điều 16 hướng dẫn về cách lập hóa đơn trong Thông tư 39/2014/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 “ Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở nên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn, không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn.

+ Công ty chưa đánh số các chứng từ Ngân hàng dẫn đến khó khăn trong quá trình tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

#### **❖ Về tài khoản sử dụng:**

Hiện nay, công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho các tài khoản 511, 632, 642 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng và không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh.

**❖ Về sổ sách sử dụng:**

Công ty chưa mở các sổ:

- Sổ chi tiết bán hàng dẫn đến hạn chế trong việc theo dõi một cách chi tiết doanh thu, giá vốn và lợi nhuận của từng mặt hàng.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến hạn chế trong việc theo dõi chi tiết từng loại chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh.

**❖ Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại:**

Hiện nay, công ty chưa áp dụng chính sách thương mại nhằm kích thích tiêu thụ hàng . Việc không áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại của sẽ ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ của công ty không kích thích khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Đồng thời ảnh hưởng đến vòng quay hàng tồn kho và mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

**❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán:**

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn như

- Không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại
- Kế toán mất nhiều thời gian cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

### **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.**

#### **3.2.1. Hoàn thiện chứng từ sử dụng.**

Theo điều 16 hướng dẫn về cách lập hóa đơn trong Thông tư 39/2014/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 “ Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở nên mỗi lần, người mua không lấy hóa đơn, không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì vẫn phải lập hóa đơn. Vì vậy, công ty nên

lập hóa đơn cho mỗi lần bán hàng trên 200.000 riêng cho từng đại lý. Theo đó phiếu xuất kho cũng cần viết riêng cho từng đại lý.

VD: Hóa đơn GTGT số 69 công ty không nên viết chung hàng hóa của các đại lý vào một hóa đơn mà phải viết riêng hóa đơn cho từng đại lý. Sau đây em xin lập lại hóa đơn và phiếu xuất kho cho một đại lý như sau:

**Biểu số 33:** Hóa đơn GTGT

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: ML/15P			
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 07 tháng 11 năm 2015		Số: <b>0000069</b>			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC</b>					
Mã số thuế : 020090582					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại/Fax: 031.3683174					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Cửa hàng Mươi Rôi					
Mã số thuế: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Địa chỉ:					
Hình thức thanh toán: TM		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Bia chai 450 ml	Két	50	122.727,27	6.136.364
2	Bia lon Hà Nội	Thùng	30	185.545,45	5.566.364
3	Aquafina – Pet 4x5000ml	Thùng	5	60.363,64	310.818
Cộng tiền hàng:					12.013.546
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.201.355
Tổng tiền thanh toán:					13.214.901
Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm mười bốn ngàn chín trăm lẻ một đồng./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Biểu số 34:** Phiếu xuất kho**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 05/11

Họ tên người nhận hàng: **Đỗ Ánh Nguyệt****Nợ 632: 11.905.905**

Lý do xuất: Xuất bán

**Có 156: 11.905.905**

Xuất tại kho: Công ty

Kèm theo hóa đơn GTGT số: 69

NT Xuất	Số HD	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm, hàng hóa	ĐVT	Mã hàng	Đơn giá	Xuất	
						SL	Thành tiền
07/11	69	Bia chai 450 ml	Két	BHNC	122.628,00	50	6.131.400
07/11	69	Bia lon Hà Nội	Thùng	BLHN	182.926,40	30	5.487.792
07/11	69	Aquafina – Pet 4x5000ml	Thùng	AQP500	57.342,67	5	286.713
		<b>Tổng cộng</b>					<b>11.905.905</b>

*Mười một triệu chín trăm lẻ năm ngàn chín trăm lẻ năm đồng./.***Người nhận hàng****Kế toán trưởng****Giám đốc**

+ Công ty nên đánh số các chứng từ Ngân hàng như: Ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền, chứng từ giao dịch.

Việc đánh số cần đảm bảo tính liên tục, công ty nên đánh số theo tháng để dễ kiểm tra, theo dõi.

Ví dụ: - Ủy nhiệm chi tháng 01: UNC 01/01, UNC 02/01, UNC 03/01...  
- Giấy nộp tiền tháng 01: GNT01/01, GNT 02/01, GNT 03/01...  
- Chứng từ giao dịch tháng 01: GTGD 01/01, CTGD 02/01...

### **3.2.2. Hoàn thiện tài khoản sử dụng.**

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- Đồng thời công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 5111 để theo dõi doanh thu bán từng nhóm hàng, mặt hàng như sau:

#### **TK 5111: Doanh thu bán bia.**

TK 51111.1: Doanh thu bán bia lon Hà Nội

TK 51111.2: Doanh thu bán bia chai 450ml

TK 51111.3: Doanh thu bán bia lon Haliken

TK 51111.4: Doanh thu bán bia lon Sài Gòn

TK 51111.5: Doanh thu bán bia lon 333

#### **TK 51112: Doanh thu bán các nước Aquafina.**

TK 51112.1: Doanh thu bán nước Aquafina – Pet 24x500ml

TK 51112.2: Doanh thu bán nước Aquafina – Pet 12x1500ml

TK 51112.3: Doanh thu bán nước Aquafina – Pet 4x5000ml

#### **TK 51113: Doanh thu bán nước có ga:**

TK 51113.1: Doanh thu bán nước Pepsi Cola lon

TK 51113.2: Doanh thu bán nước Pepsi Cola Pet 4x(6x1500ml)

TK 51113.3: Doanh thu bán nước Sting dâu

TK 51113.4: Doanh thu bán nước Sting vàng

TK 51113.5: Doanh thu bán nước CC Lemon Lon 5x(6x330ml)

TK 51113.6: Doanh thu bán nước Mountain Dew

TK 51113.7: Doanh thu bán nước 7Up Lon 24x330ml

TK 51113.8: Doanh thu bán nước 7Up Pet 4x(6x1500ml)

TK 51113.9: Doanh thu bán nước 7Up Revive

TK 51113.10: Doanh thu bán nước Mirinda Lon 24x330ml

TK 51113.11: Doanh thu bán nước Mirinda Pet 4x(6x1500ml)

TK 51113.12: Doanh thu bán nước Tropicana Twister 24x330ml

.....

**TK 51114: Doanh thu bán trà.**

TK 51114.1: Doanh thu bán trà xanh O°

TK 51114.2: Doanh thu bán trà xanh Tea Plus

TK 51114.3: Doanh thu bán nước C2 vàng

TK 51114.4: Doanh thu bán nước C2 đỏ

TK 51114.5: Doanh thu bán trà Ô Long.

**TK 51115: Doanh thu bán nước khoáng**

TK 51115.1: Doanh thu bán nước khoáng Faith chanh muối 0,355l

TK 51115.2: Doanh thu bán nước khoáng Quang Hanh

TK 51115.3: Doanh thu bán nước khoáng suối mơ

- Công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” để theo dõi giá vốn từng nhóm hàng, mặt hàng.

**TK 6321: Giá vốn bia.**

TK 6321.1: Giá vốn bia lon Hà Nội

TK 6321.2: Giá vốn bia chai 450ml

TK 6321.3: Giá vốn bia lon Haliken

TK 6321.4: Giá vốn bia lon Sài Gòn

TK 6321.5: Giá vốn bia lon 333

**TK 6322: Giá vốn các nước Aquafina.**

TK 6322.1: Giá vốn nước Aquafina – Pet 24x500ml

TK 6322.2: Giá vốn nước Aquafina – Pet 12x1500ml

TK 6322.3: Giá vốn nước Aquafina – Pet 4x5000ml

**TK 6323: Giá vốn bán nước có ga:**



- TK 6323.1: Giá vốn nước Pepsi Cola lon  
TK 6323.2: Giá vốn nước Pepsi Cola Pet 4x(6x1500ml)  
TK 6323.3: Giá vốn nước Sting dâu  
TK 6323.4: Giá vốn nước Sting vàng  
TK 6323.5: Giá vốn nước CC Lemon Lon 5x(6x330ml)  
TK 6323.6: Giá vốn nước Mountain Dew  
TK 6323.7: Giá vốn nước 7Up Lon 24x330ml  
TK 6323.8: Giá vốn nước 7Up Pet 4x(6x1500ml)  
TK 6323.9: Giá vốn nước 7Up Revive  
TK 6323.10: Giá vốn nước Mirinda Lon 24x330ml  
TK 6323.11: Giá vốn nước Mirinda Pet 4x(6x1500ml)  
TK 6323.12: Giá vốn nước Tropicana Twister 24x330ml  
.....

**TK 6324: Giá vốn trà.**

- TK 6324.1: Giá vốn trà xanh O°  
TK 6324.2: Giá vốn trà xanh Tea Plus  
TK 6324.3: Giá vốn nước C2 vàng  
TK 6324.4: Giá vốn nước C2 đỏ  
TK 6324.4: Giá vốn trà Ô Long.

**TK 6325: Giá vốn nước khoáng**

- TK 6325.1: Giá vốn nước khoáng Faith chanh muối 0,355l  
TK 6325.2 :Giá vốn nước khoáng Quang Hanh  
TK 6325.3: Giá vốn nước khoáng suối mơ

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi từng chi phí phát sinh trong quản lý doanh nghiệp như sau:

**TK 6421: Chi phí bán hàng**

- TK 64211: Chi phí mua dầu  
TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài  
TK 64218: Chi phí bằng tiền khác

**TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

TK 64221: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý

TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý

TK 64223: Chi phí dụng cụ văn phòng

TK 64224: Chi phí khấu hao

TK 64225: Chi phí thuế, lệ phí

TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

### **3.2.3. Hoàn thiện sổ sách sử dụng.**

- Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S17 – DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) để theo dõi doanh thu, chi phí, giá vốn, lợi nhuận của từng nhóm hàng từ đó sẽ giúp công ty xem xét, so sánh giữa các mặt hàng để đưa ra chiến lược kinh doanh tốt hơn.
- Công ty nên mở sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 642 (Mẫu S18 – DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) nhằm theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố từ đó giúp công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn.
- Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh.

**Biểu số 35:** Mẫu sổ chi tiết bán hàng.**Đơn vị:****Địa chỉ:**

Mẫu số: S17-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm ( hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)....

Năm...

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
			<b>Cộng phát sinh</b>						
			<b>Doanh thu thuần</b>						
			<b>Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>Lãi gộp</b>						

Ngày.... tháng.... năm...

**Người ghi sổ**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 36:** Sổ chi tiết bán hàng.**Đơn vị:** Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc**Địa chỉ:** Khu 5 – Thị trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm ( hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Nước Aquafina

Năm: 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
....	.....	.....	.....						
02/11	PT 02/11	02/11	Bán nước Aquafina – Pet 24x500ml cho cty XD Minh Thùy	111	10	65.636,36	656.3624		
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....		
11/12	PT 09/12	11/12	Bán nước Aquafina – Pet 12x1500ml cho cty CP ĐT Đức Thắng	111	20	69.363,64	1.387.273		
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....		
			<b>Cộng phát sinh</b>						
			<b>Doanh thu thuần</b>						
			<b>Giá vốn hàng bán</b>						
			<b>Lãi gộp</b>						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 37:** Mẫu sổ chi phí quản lý kinh doanh**Đơn vị:****Địa chỉ:**

Mẫu số: S18-DNN  
 (Ban hành kèm theo Quyết định  
 Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày  
 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH**

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng: .....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	...	....	.....	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b> - Ghi có TK <b>Số dư cuối kỳ</b>									

Ngày... tháng... năm...

**Người ghi sổ**  
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 38** : Sổ chi phí quản lý kinh doanh

**Đơn vị:** Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc

**Địa chỉ:** Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	64221	64222	64223	64224	64225	64227	64228
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5			
			<b>Số dư đầu kỳ</b>									
....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/11	PC 12/11	15/11	Chi tiếp khách	111	2.125.000							2.125.000
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả tháng 12	334	56.700.000	56.700.000						
....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK Số dư cuối kỳ</b>												

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người ghi sổ**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

### 3.2.4: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua số lượng lớn, như vậy sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng.

#### ***Phương pháp xác định:***

- Công ty nên tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành. Hoặc công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng, phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

- Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty nên sử dụng TK 5211 “Chiết khấu thương mại”

#### ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:***

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu được ghi giảm vào hóa đơn GTGT hoặc vào hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền trên hóa đơn mua hàng lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng, doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền hàng theo đúng quy định cho khách hàng.

+ Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá ( đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 5211.

#### ***Phương pháp hạch toán:***

- Khi áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng

Nợ TK 5211

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112...

- Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua trong kỳ.

Nợ TK 511

Có TK 5211

### 3.2.5: Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trọng hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

**Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng.



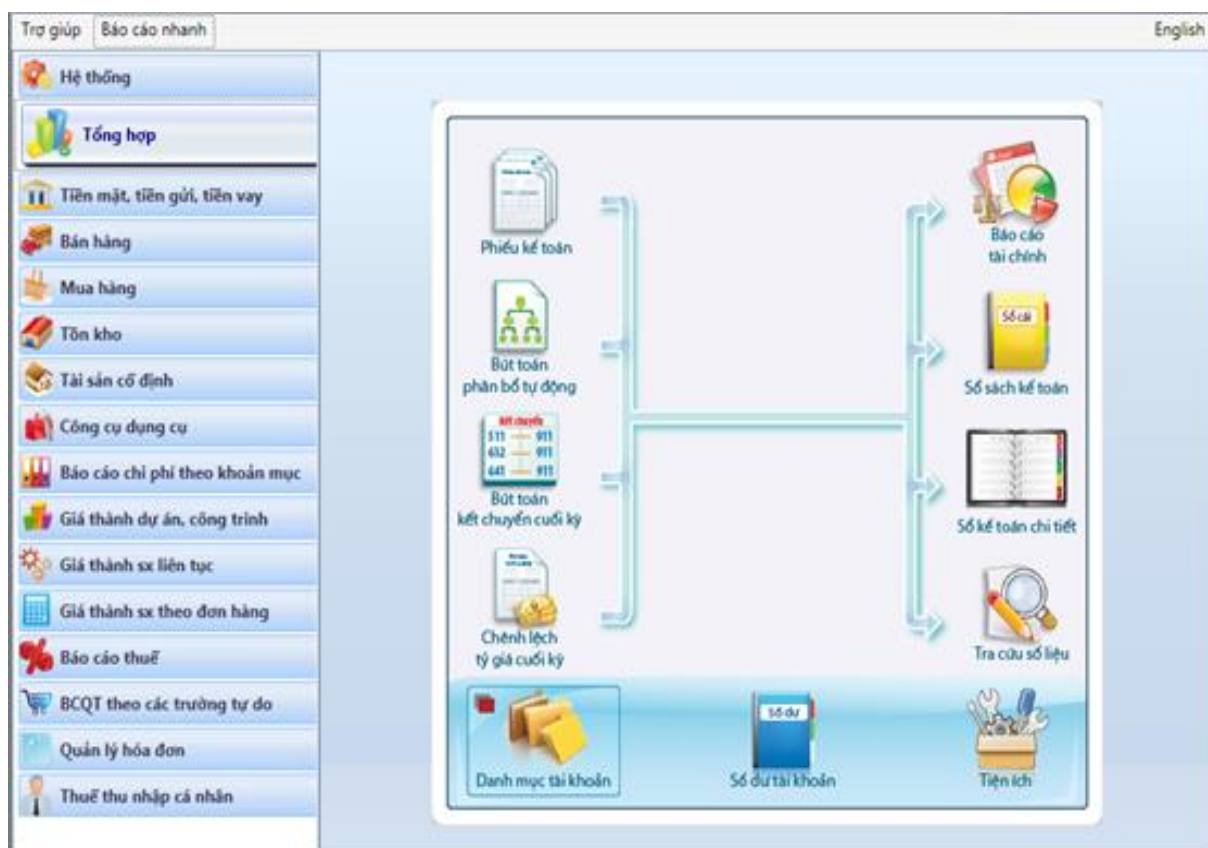
## \* Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

**Chức năng:**

MISA SNE.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

## \* Phần mềm kế toán CYBER.

**Chức năng:**

Phần hệ phần mềm quản lý tài chính **CYBER ACCOUNTING** với vai trò là trung tâm lưu trữ thông tin về tài chính kế toán của bộ giải pháp ERP; Quản lý tất cả các vấn đề liên quan đến kế toán, từ dòng lưu chuyển tiền, kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính đến tài sản cố định, tính giá thành sản xuất. Giúp cho doanh nghiệp giảm bớt các công đoạn nhập liệu, tính toán và tập hợp số liệu; Dùng nhiều thời gian hơn để phân tích số liệu tài chính, lập kế hoạch tài chính, hoạch định các chiến lược tài chính góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Phần hệ phần mềm quản lý tài chính **CYBERACCOUNTING** với đầy đủ nhất về các Module và nghiệp vụ kế toán như: Module Kế toán tổng hợp, Module kế toán tiền mặt tiền gửi, Module kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Module kế toán mua hàng và công nợ phải trả, Module kế toán hàng tồn kho, Module kế toán chi phí và tính giá thành, Module kế toán tài sản cố định, Module kế toán công cụ dụng cụ, Module kế toán chủ đầu tư, hệ thống báo cáo

thuế, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị. Với đầy đủ các đầu vào chứng từ của các nghiệp vụ khác nhau như: *Phiếu kế toán, phiếu kế toán định kỳ, bút toán kết chuyển - phân bổ, Phiếu thu - chi, báo nợ - báo có, hoá đơn bán hàng, hoá đơn mua hàng, hoá đơn dịch vụ, chứng từ bù trừ công nợ, phiếu xuất nhập kho, phiếu điều chuyển kho, phiếu xuất hàng bán trả lại nhà cung cấp, phiếu nhập hàng bán trả lại, phiếu nhập xuất công cụ dụng cụ,...*

## KẾT LUẬN

Sau thời gian được thực tập và tham gia vào công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức thực tế và chuyên ngành kế toán theo học, bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lí thuyết được học trong nhà trường cùng thực tiễn làm việc trong công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã được học trong trường lớp còn phải cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế của những người đi trước

Trên đây là những gì em đã được tìm hiểu và học hỏi thêm từ các anh chị phòng kế toán cty, em đã trình bày trong khóa luận một cách đầy đủ nhất.

Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tế còn rất nhiều thiếu sót cùng năng thực tế của em còn hạn chế nên trong khóa luận này không trách khỏi những thiếu sót, mong thầy cô và nhà trường góp ý sửa chữa và đóng góp thêm ý kiến cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Trần Thị Thanh Phương đã tận tình hướng dẫn em cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị cô bác phòng kế toán trong ty TNHH TM và DV Minh Lộc đã tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận này.

Sinh viên

Phạm Thị Vương

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (2011)*, Nhà xuất bản tài chính.
4. *Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC* ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính
5. *Chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác*.
6. *Tài liệu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc*